

SỜ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP



nafoods
group

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326375
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 29/06/2010,
đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 27/05/2015.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỜ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
(Đăng ký niêm yết số: .A33.(QĐ).S.G.D.H.C.M... do Sở GDCK TP.HCM cấp ngày... 28.1.9.2015...)

TỔ CHỨC TƯ VẤN :

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

VIET CAPITAL
SECURITIES

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Trụ sở chính: Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: (84-3) 83853322

Website: www.nafoodsgroup.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209 Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch: Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: Lầu 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng

Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT

Số điện thoại: (84-3) 83853322

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326375
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 29/06/2010,
đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 27/05/2015.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số: 435/68P.SGD.HCM... do Sở Giao dịch Chứng khoán
TP.HCM cấp ngày 28/9/2015...)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nafoods Group
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết :	30.000.000 cổ phần.
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá:	300.000.000.000 đồng.

TỔ CHỨC TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)



Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209
Website : www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

Địa chỉ: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, Phường Yên Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 4500 668 Fax: (84-4) 4500 669
Website: <http://kiemtoanthanglongtdk.com/vn/>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro kinh tế.....	4
2. Rủi ro về pháp luật.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	5
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	8
5. Rủi ro khác.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức niêm yết.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	11
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	11
1.3 Quá trình tăng vốn của Công ty.....	12
1.4 Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	13
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	18
3.1 Đại hội đồng cổ đông.....	18
3.2 Hội đồng quản trị.....	18
3.3 Ban kiểm soát.....	19
3.4 Ban Tổng Giám đốc.....	19
3.5 Các phòng ban.....	19
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	20
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	20
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....	21
4.3 Cơ cấu cổ đông.....	21
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	22
5.1 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	22
5.2 Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	22
6. Hoạt động kinh doanh.....	22
6.1 Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty qua các năm.....	23
6.2 Nguyên vật liệu.....	25
6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh.....	29
6.4 Trình độ công nghệ.....	30
6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	31
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	32
6.7 Một số dự án công ty đang triển khai.....	33
6.8 Hoạt động marketing.....	35

6.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	36
6.10	Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện	36
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	39
8.	Thành tựu và những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015	40
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	42
10.	Chính sách đối với người lao động	45
10.1	Số lượng người lao động	45
10.2	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	46
11.	Chính sách cổ tức	47
12.	Tình hình hoạt động tài chính :	48
12.1	Các chỉ tiêu cơ bản:	48
12.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	53
13.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	55
13.1.	Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	55
13.2	Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị.....	55
13.3	Lý lịch Ban Tổng giám đốc.....	61
13.4	Lý lịch thành viên Ban kiểm soát	63
13.5	Lý lịch Kế toán trưởng.....	65
14.	Tài sản.....	66
14.1	Tài sản cố định hữu hình	66
14.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	68
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo:	70
15.1	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016.....	70
15.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	71
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	72
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	72
18.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	72
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	72
1.	Loại cổ phiếu:.....	72
2.	Mệnh giá:.....	72
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết :	72
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định:	72
5.	Giá niêm yết dự kiến :	73
6.	Phương pháp tính giá.....	74
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	76
8.	Các loại thuế có liên quan	76
8.1	Đối với Công ty.....	76
8.2	Đối với nhà đầu tư cá nhân	77
8.3	Nhà đầu tư là tổ chức.....	78

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	80
1. Tổ chức tư vấn	80
2. Tổ chức kiểm toán	80
VII. PHỤ LỤC	81

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và ngành bán lẻ nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tăng trưởng kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 3 năm gần đây đạt lần lượt là 5,25% (năm 2012), 5,42% (năm 2013) và 5,98% (năm 2014). Các diễn biến này cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ngành, các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực. Mục tiêu đặt ra cho GDP năm 2015 khoảng 6,2% đã được Quốc hội thông qua với kỳ vọng nền kinh tế sẽ ổn định và tăng trưởng tốt hơn nữa so với năm 2014. Để đạt được mục tiêu đề ra, Chính phủ đã và đang thực hiện những chính sách nhằm nới lỏng tiền tệ. Sự tăng trưởng bền vững và khá ổn định của nền kinh tế sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các ngành nghề trong nền kinh tế nói chung và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nafoods Group nói riêng. Triển vọng kinh tế dài hạn thường có nhiều yếu tố biến động khó xác định. Khi có những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nafoods Group.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong năm 2013, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong năm 2013 đã giảm rõ rệt xuống còn 6,04% so với 6,81% trong năm 2012 và 18,58% trong năm 2011. Trong năm 2014, mức lạm phát chỉ có 4,09%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2002 trở lại đây. Với những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt vào thời điểm hiện tại cũng như các định hướng tái cấu trúc kinh tế, duy trì lãi suất vay ở mức thấp, thoái vốn ngoài ngành, tăng hiệu quả đầu tư công... đã mở ra triển vọng sáng sủa hơn cho mục tiêu lạm phát duy trì mức 5% trong năm 2015, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.

Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ

biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng đồng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến thực phẩm, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng phải chịu một số rủi ro đặc thù như biến động giá nguyên liệu, ảnh hưởng bởi thời tiết, nông sản có tính mùa vụ và năng suất của vùng nguyên liệu, rủi ro trong việc bảo quản và vận chuyển thành phẩm,... Điều đó đòi hỏi các công ty trong ngành phải có một hệ thống chế biến và bảo quản đạt tiêu chuẩn, đi kèm với chiến lược kinh doanh và quản trị đúng đắn nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện chuỗi mô hình sản xuất kinh doanh khép kín, từ nghiên cứu giống cây trồng, phát triển vùng nguyên liệu đến chế biến và phân phối sản phẩm. Mô hình này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng và đồng bộ của toàn hệ thống, tiềm ẩn rủi ro về vận hành, nếu trong chuỗi có 1 khâu làm không tốt sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống. Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của các khâu, quy trình vận hành để đưa ra phương thức quản trị tốt nhằm vận hành hiệu quả, giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro thời tiết

Công ty hiện nay đang trực tiếp quản lý một số vùng nguyên liệu trồng cây chanh leo, cây gấc và khu vườn ươm cây giống nên Công ty đang chịu rủi ro từ những thay đổi bất thường về thời tiết: độ ẩm, nhiệt độ, gió bão,...

Đối với cây chanh leo, nếu nhiệt độ mùa hè tăng cao hơn 35⁰C, nhiệt độ mùa đông xuống thấp hơn 10⁰C kéo dài làm cho cây chết hoặc không thể ra quả, gió bão làm sập giàn... Biện pháp khắc phục được Công ty thực hiện là chọn thời điểm thích hợp để trồng cây chanh leo, tránh ra

hoa, quả vào những thời điểm nắng nóng cục bộ kéo dài, tốt nhất là trồng chanh leo từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau. Ngoài ra, Công ty đã đầu tư hệ thống tưới nước tự động vào những ngày khô hạn để đảm bảo độ ẩm của đất đạt 60 -70%, đầu tư hệ thống giàn kiên cố nhằm đảm bảo quá trình sinh trưởng, công việc chăm sóc và thu hoạch thuận lợi, giảm tối đa thiệt hại do thiên tai, gió bão gây ra.

Đối với cây gấc, nhiệt độ phát triển tốt nhất là 25 - 27⁰C, chịu hạn tốt hơn chịu úng. Công ty hiện nay thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro như điều chỉnh thời gian trồng tránh ra hoa mùa nắng nóng (trồng từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau), tăng cường tưới nước vào những ngày nhiệt độ cao nhằm giữ ẩm cho đất, xây dựng giàn kiên cố, cọc bê tông để tránh và chịu được gió bão.

Đối với cây giống (cây giống chanh leo), Công ty đã xây dựng nhà kính khép kín tại khu vực có khí hậu mát mẻ, nhằm tránh các tác động xấu của thời tiết.

Rủi ro tỷ giá

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá đồng USD/VND thông qua hai hoạt động là vay nợ bằng đồng USD và xuất khẩu hàng hóa, thành phẩm thu về USD.

Bảng 1. Dư nợ vay bằng đồng USD

DVT: USD

Khoản mục	31/12/2014	30/6/2015
- NH TMCP Ngoại thương Nghệ An	1.400.000	2.240.847

Nguồn: BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Ngoài ra, năm 2015 Công ty còn vay ngắn hạn của đối tượng khác (Quỹ fund) số tiền: 1.000.000 USD, ngày giải ngân: 13/03/2015, ngày đáo hạn: 30/11/2015, Lãi suất: 8,5%/năm.

Trên các hợp đồng xuất khẩu Công ty ký kết với đối tác nước ngoài, giá bán sản phẩm được tính bằng đồng USD.

Bảng 2. Giá bán một số sản phẩm theo đồng USD

TT	Mặt hàng	Giá bán	DVT
1	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	5.300	USD/Tấn
2	Nước quả Gấc đông lạnh	3.500	USD/Tấn
3	Gừng nghiền	1.750	USD/Tấn
4	Gừng sấy	5.600	USD/Tấn
5	Gừng tươi	2.150	USD/Tấn
6	IQF chanh leo	1.200	USD/Tấn

7	IQF chuối cắt lát	1.300	USD/Tấn
8	IQF Dứa rẽ quạt	1.400	USD/Tấn
9	IQF xoài cắt miếng	2.000	USD/Tấn
10	IQF xoài stick	1.200	USD/Tấn
11	Nước ép chanh chua đông lạnh	1.600	USD/Tấn
12	Nước ép dứa cô đặc đông lạnh	2.500	USD/Tấn
13	Nước ép Mãng cầu xiêm	1.900	USD/Tấn
14	Nước ép nha đam	1.150	USD/Tấn
15	Nước ép quả Tắc đông lạnh	1.250	USD/Tấn
16	Nước ép Sơ ri đông lạnh	1.150	USD/Tấn
17	Nước ép vải cô đặc đông lạnh	3.050	USD/Tấn
18	Nước ép vải đông lạnh	2.010	USD/Tấn
19	Nước ép xoài đông lạnh	950	USD/Tấn
20	Ốt tươi IQF	530	USD/Tấn
21	Xoài puree đông lạnh	950	USD/Tấn

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Lưu ý: Giá bán trên là giá CFR (giá sản phẩm đã bao gồm cước vận chuyển)

Doanh thu bằng đồng USD đủ bù đắp những thiệt hại có thể xảy ra từ việc vay vốn bằng đồng USD, do đó Công ty có thể kiểm soát và hạn chế rủi ro tỷ giá.

Rủi ro tiêu thụ sản phẩm

Do doanh thu các sản phẩm chính bao gồm: Nước chanh leo cô đặc, gấc cô đặc và rau củ quả IQF được tiêu thụ 100% thông qua xuất khẩu, do đó Công ty có rủi ro trong việc tiêu thụ sản phẩm. Rủi ro tiêu thụ sản phẩm bao gồm rủi ro xuất hiện các đối thủ cạnh tranh trên thị trường quốc tế, rủi ro từ việc tiêu thụ sản phẩm của đối tác nước ngoài, cắt giảm các hợp đồng xuất khẩu và rủi ro trong quá trình vận chuyển tiêu thụ sản phẩm.

Công ty đã nhận thức và đánh giá được những rủi ro tiềm ẩn về thị trường tiêu thụ và có những biện pháp hạn chế rủi ro như sau:

- Thứ nhất, Công ty đẩy mạnh việc mở rộng thị trường xuất khẩu, không chỉ dừng lại ở Châu Âu, Mỹ, hiện nay Công ty đã ký kết hợp đồng xuất khẩu với đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Đông Nam Á, Trung Quốc và Trung Đông. Và Nafoods Group đang tiếp tục mở rộng sang thị trường Nga và Nam Phi.
- Thứ hai, Công ty thực hiện phát triển vùng nguyên liệu nhằm kiểm soát giá thành, xây dựng hệ thống khép kín để tận dụng tối đa nguyên vật liệu, từ đó giảm thiểu chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh về giá so với các đối thủ.
- Thứ ba, Công ty có bộ phận nghiên cứu độc quyền về giống chanh leo tím có mùi thơm đặc trưng, là sản phẩm có tính ưu việt và được đón nhận rộng rãi hơn giống chanh leo vỏ vàng của các đối thủ cạnh tranh.
- Thứ tư, việc đa dạng hóa sản phẩm giúp cho Công ty mở rộng thị phần, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng ngày càng khắt khe hơn.

- *Đối với vấn đề vận chuyển, Công ty thuê bên thứ 3 thực hiện, ký kết hợp đồng vận tải hàng hóa và bảo hiểm hàng hóa, hạn chế tối đa các nguy cơ rủi ro có thể xảy ra.*

Rủi ro của dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu

Công ty có dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc, là lĩnh vực trước đây Công ty chưa từng thực hiện do đó tồn tại một số rủi ro về kinh nghiệm, kỹ thuật chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm từ dự án. Công ty đã liên kết với các đối tác có kinh nghiệm trong việc chăn nuôi bò thịt từ Úc và các đối tác trong nước có hệ thống phân phối thịt bò rộng khắp cả nước nhằm khắc phục những điểm yếu và hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, các cổ đông của Công ty và Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu của Công ty. Ngoài tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty, ví dụ như tình hình kinh tế - xã hội nói chung, các ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được v.v... Sự biến động tiêu cực của giá cổ phiếu của Công ty có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín của Công ty cũng như có thể gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Loan	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Đại diện theo pháp luật :	Ông Nguyễn Quang Bảo
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nafoods Group. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nafoods Group cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Nafoods Group
NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của pháp luật
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DT	Doanh thu
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
DTT	Doanh thu thuần
VCSH	Vốn chủ sở hữu
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
CTCP	Công ty Cổ phần
IQF	viết tắt của từ "Individual Quick Frozen" nghĩa là cấp đông nhanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP**
- Tên tiếng Anh: **NAFOODS GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **NAFOODS GROUP**
- Trụ sở chính: **Số 47 Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam**
- Điện thoại: **84-3-83853322**
- Fax: **84-3-83853902**
- Website: **www.nafoodsgroup.com.vn**
- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: **300.000.000.000VND** (Ba trăm tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: **300.000.000.000VND** (Ba trăm tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 29/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 27/05/2015.

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty cổ phần Nafoods Group tiền thân là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Vinh. Công ty TNHH Thành Vinh được thành lập vào ngày 26/08/1995 với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, dịch vụ kinh doanh nước giải khát có ga và chế biến kinh doanh hàng nông sản, thực phẩm. Đến ngày 29/6/2010, Công ty chuyển đổi sang mô hình hoạt động Công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Choa Việt. Đến nay, Công ty được đổi tên thành Công ty cổ phần Nafoods Group với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty có trụ sở đóng tại số 47, đường Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, TP. Vinh, Nghệ An.

Nafoods Group là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nước ép trái cây và rau củ quả đông lạnh. Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển cũng như không ngừng cải tiến công nghệ và mở rộng thị trường, các sản phẩm của Nafoods Group đã chinh phục được các thị trường khó tính từ Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, Úc và con số các thị trường xuất khẩu lên đến 50 nước trên thế giới, bao gồm:

- *Châu Âu: Hà Lan, Thụy Sĩ, Đức, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Thụy Điển, Bỉ, Đan Mạch, Ý, Belarus, Nga.*
- *Châu Mỹ: Hoa Kỳ, Canada, Puerto Rico, Jamaica, Brazil.*
- *Châu Úc: Úc, New Zealand.*
- *Châu Á: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Sri Lanka, Đài Loan, Singapore.*
- *Châu Phi: Nam Phi, Angeria, Senegal, Kenya.*
- + *Trung Đông: Ai Cập, Iran, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Liban, Palestine, Oman, Qatar, Ả Rập Saudi, Sudan, Syria, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất, Yemen, Bahrain.*

Trong số hơn 30 loại sản phẩm rau củ được chế biến và xuất khẩu, hai sản phẩm đã khẳng định được thương hiệu và tạo được chỗ đứng của Nafoods Group trên thị trường quốc tế là Chanh leo và Gấc.

1.3 Quá trình tăng vốn của Công ty

Bảng 3. Quá trình tăng vốn điều lệ từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Giá trị tăng (Triệu đồng)	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Khi chuyển đổi từ Công ty TNHH sang CTCP: 29/6/2010	40.000				- Giấy CNĐKKD số 2900326375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/6/2010
Đợt 1: Năm 2014	200.000	160.000	Cổ đông hiện hữu	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 16.000.000 cổ phần	- Giấy CNĐKKD số 2900326375 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 15/12/2014.

Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Giá trị tăng (Triệu đồng)	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ phát hành: 1:4 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 20/03/2015 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định ĐHĐCĐ số 18/QĐ-CHOAVIET ngày 07/12/2014.
Đợt 2: Năm 2015	300.000	100.000	Cổ đông hiện hữu	Phát hành cho cổ đông hiện hữu: <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 10.000.000 cổ phần - Tỷ lệ phát hành: 2:1 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 17/06/2015 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy CNĐKKD số 2900326375 đăng ký thay đổi lần 8 ngày 27/05/2015. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02 ngày 12/05/2015

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Số lượng cổ đông của Công ty cổ phần Nafoods Group tại ngày chốt danh sách nộp hồ sơ đăng ký niêm yết là 303 người.

1.4 Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2900326375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp đăng ký lần đầu ngày 29/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27/05/2015, Công ty cổ phần Nafoods Group được phép kinh doanh các ngành nghề sau:

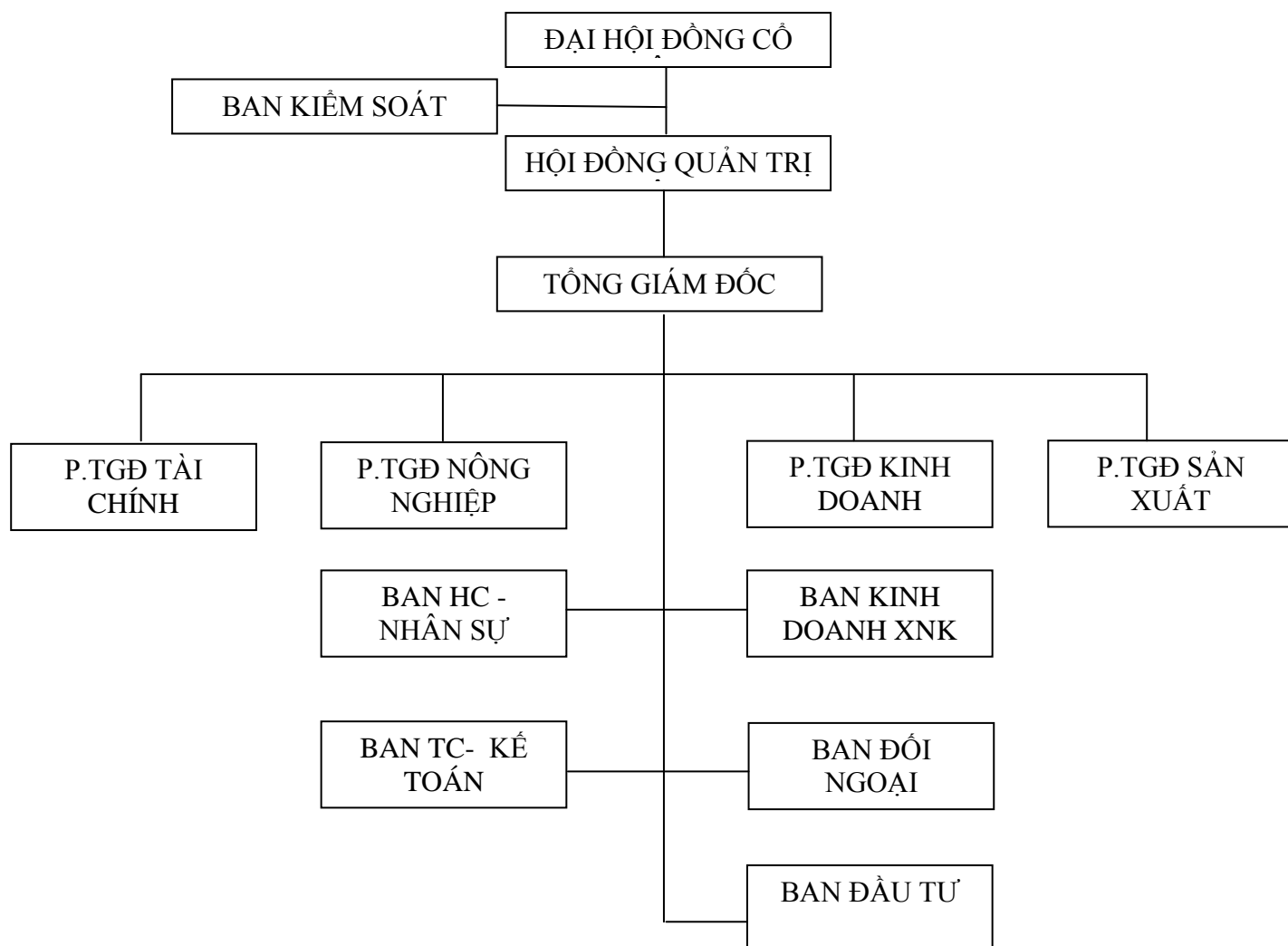
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết : Xây dựng công trình công nghiệp thủy lợi);

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Chăn nuôi khác (Chi tiết : Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Chi tiết : Kinh doanh siêu thị);
- Bán buôn tổng hợp (Chi tiết : Mua bán cây trồng, vật nuôi);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết : Sản xuất chế phẩm sinh học);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, khu Resort);
- Bán buôn đồ uống;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết : Sản xuất thực phẩm chức năng);
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Hoạt động viễn thông khác.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

CTCP Nafoods Group được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty hiện tại như sau:

Bảng 4. Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Nafoods Group

Bảng 5. Các công ty con

STT	Tên Công ty	Ngày có quyền kiểm soát	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phân biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Cty CP Chanh leo NAFOODS	20/01/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
2	Cty CP Gấc Tân Thắng	01/03/2015	Nghệ An	65,0	65,0	Trồng trọt chăn nuôi hỗn hợp; Chi tiết: trồng gấc

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

CÔNG TY CỔ PHẦN CHANH LEO NAFOODS: (Đổi tên từ CTCP Đầu tư phát triển Nông nghiệp Napaga)

- Địa chỉ: Số 47 đường Nguyễn Cảnh Hoan, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901623010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06/05/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 15/06/2015.
- Tỷ lệ CTCP Nafoods Group sở hữu: 65%, tương ứng với 3.900.000 cổ phần.
- Sản phẩm chủ lực: Các sản phẩm từ quả chanh leo.
- Lĩnh vực kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
 - Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Chăn nuôi khác (Chi tiết : Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác);
 - Chăn nuôi trâu, bò;
 - Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
 - Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
 - Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
 - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng;
 - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
 - Xử lý hạt giống để nhân giống;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
 - Trồng cây hàng năm;
 - Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
 - Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;

- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;

CÔNG TY CỔ PHẦN GÁC TÂN THẮNG:

- Địa chỉ: Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901773369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/01/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 08/06/2015.
- Tỷ lệ CTCP Nafoods Group sở hữu: 65%, tương ứng với 2.600.000 cổ phần.
- Sản phẩm chủ lực: Các sản phẩm từ quả gấc.
- Lĩnh vực kinh doanh (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
 - Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Chi tiết: Trồng gấc);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Chăn nuôi khác (Chi tiết: chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác);
 - Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
 - Chăn nuôi trâu, bò;
 - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
 - Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
 - Xử lý hạt giống để nhân giống;
 - Trồng rừng và chăm sóc rừng;
 - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
 - Hoạt động dịch vụ trồng trọt;

Bảng 6. Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Ngành nghề chính
1	<i>Công ty CP Đầu tư Phúc Minh</i>	6.000.000.000	Hà Nội	40,0	40,0	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
2	<i>Công ty CP Dược liệu Quê Phong</i>	40.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

3	<i>Công ty CP Nông nghiệp La Giang</i>	40.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
4	<i>Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng</i>	20.000.000.000	Nghệ An	30,0	30,0	Chăn nuôi khác; Chi tiết: Chăn nuôi bò sữa và các gia súc khác.
5	<i>Công ty CP Giống NAFOODS</i>	60.000.000.000	Nghệ An	40,0	40,0	Nhân và chăm sóc giống, Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Nafoods Group được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Điều lệ Công ty cổ phần Nafoods Group.

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định: thông qua định hướng phát triển công ty; tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; tổ chức lại và giải thể Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau :

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Bà Phan Thị Minh Châu - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Tiến Chinh - Thành viên

- Ông Hoàng Tất Thắng - Thành viên
- Ông Lê Văn Minh - Thành viên

3.3 Ban kiểm soát

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ. Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau :

- Bà Đặng Thị Loan - Trưởng ban kiểm soát
- Ông Hồ Minh Tuấn - Thành viên ban kiểm soát
- Bà Trần Thị Đào - Thành viên ban kiểm soát

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 06 thành viên sau:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Tổng giám đốc
- Bà Phan Thị Minh Châu - Phó Tổng giám đốc Tài chính
- Ông Nguyễn Tiến Chinh - Phó Tổng giám đốc Sản xuất
- Ông Phạm Duy Thái - Phó Tổng giám đốc Nông nghiệp
- Ông Nguyễn Trung Kiên - Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
- Bà Nguyễn Thị Trang - Kế toán trưởng

3.5 Các phòng ban

Ban hành chính – nhân sự:

Nhiệm vụ: Xây dựng các chính sách quản trị nhân sự, hướng dẫn và giám sát thực hiện chính sách; Làm các thủ tục hành chính nhân sự & quan hệ lao động đối với các vị trí chủ chốt; Thực hiện các chế độ chính sách cho người LĐ; Hướng dẫn và thực hiện Pháp chế lao động; Xây dựng cơ bản, văn phòng phẩm; Thư ký, lễ tân, văn thư lưu trữ; Quan hệ chính quyền và đối ngoại hành chính; Xây dựng, quản lý, quản trị hệ thống IT; Y tế, tạp vụ, bảo vệ, bếp; Hành chính, nhân sự, hậu cần cho nhà máy.

Ban Tài chính - Kế toán:

Nhiệm vụ: Tham mưu công tác quản lý tài chính công ty; Quản lý tài chính, tài sản công ty và các hoạt động đầu tư; Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và an toàn sử dụng vốn; Tham mưu các vấn đề về giao dịch chứng khoán, cổ phiếu, cổ đông; Thực hiện nghiệp vụ chuyên môn kế toán (sổ sách chứng từ, hạch toán, báo cáo, nghĩa vụ); Theo dõi, phản ánh vận động vốn kinh doanh; Tham mưu Ban GD các vấn đề liên quan.

Ban Kinh doanh xuất nhập khẩu:

Tham mưu xây dựng chiến lược kinh doanh của hệ thống; Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm; Phát triển thị trường xuất khẩu và xây dựng chính sách bán hàng tương ứng; Điều tra và phát triển thị trường nội địa. Xây dựng mạng lưới phân phối/bán hàng; Thu mua nguyên liệu là sản phẩm nông sản từ trong và ngoài vùng nguyên liệu do hệ thống phát triển, thu mua các sản phẩm kinh doanh thương mại; Nghiên cứu nhu cầu thị trường để phát triển các sản phẩm chiến lược, sản phẩm mới.

Ban đầu tư

Ban đầu tư có chức năng giúp Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ đầu tư trong việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng do Công ty Mẹ làm chủ đầu tư.

Ban đối ngoại

Tham mưu các vấn đề định hướng hoạt động đối ngoại, phối hợp chuẩn bị nội dung làm việc tiếp đón các đoàn khách nước ngoài, công tác biên phiên dịch, cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ lãnh đạo Công ty khi đi công tác nước ngoài.- Tư vấn, xây dựng định hướng, chiến lược phát triển quan hệ công chúng; Duy trì quan hệ báo chí phục vụ hoạt động kinh doanh Công ty, giải quyết khủng hoảng doanh nghiệp.; Triển khai tổ chức các sự kiện công chúng; Xây dựng quy chế cung cấp, công bố thông tin về hoạt động kinh doanh, quản trị của Công ty cho các cổ đông theo yêu cầu; Quản lý cổ đông, tổ chức đại hội cổ đông, tiếp nhận và giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cổ đông để hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng đáp ứng yêu cầu của cổ đông; Chịu trách nhiệm quản lý nội dung website; Tham gia xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu Công ty, quản lý, quảng bá, bảo vệ thương hiệu.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 7. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/08/2015

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh	Phường Trường Thi – TP	182134923	7.500.000	25%

	Hùng	Vinh – Nghệ An			
	Tổng cộng			7.500.000	25%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 30/08/2015

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 8. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 30/08/2015

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	CMTND	Cổ phần sáng lập hạn chế chuyển nhượng 3 năm	Cổ phần không bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Phường Trường Thi – Thành phố Vinh – Nghệ An	182134923	0	7.500.000	25%
2	Phan Thị Minh Châu	Phường Quang Trung – TP. Vinh – Nghệ An	181959166	0	1.440.000	4.8%
	Tổng cộng			0	8.940.000	29.8%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 30/08/2015

Hạn chế chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập theo Điều 119 Luật Doanh Nghiệp 68/2014/QH13 không còn áp dụng do đã qua thời gian 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (29/06/2010).

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 9. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/08/2015

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	303	30.000.000	100%
	- Cổ đông cá nhân	303	30.000.000	100%
	- Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
TỔNG CỘNG			30.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại thời điểm 30/08/2015

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

5.1 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

Không có.

5.2 Danh sách những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 10. Danh sách công ty mà Nafoods Group nắm quyền kiểm soát, chi phối

Đơn vị: đồng

Tên công ty	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của Nafoods Group	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty CP Gác Tân Thắng	40.000.000.000	26.000.000.000	65%
Công ty cổ phần Chanh leo Nafoods (Tiền thân là Công ty CP Đầu tư phát triển nông nghiệp Napaga)	60.000.000.000	39.000.000.000	65%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

6. Hoạt động kinh doanh

Lưu ý: Năm 2014, Công ty chưa hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Từ năm 2015, Nafoods Group có 2 công ty con thực hiện chức năng là sản xuất và chế biến các sản phẩm từ chanh leo và gấc – là 2 sản phẩm chủ lực của Công ty. Do đó, Bản cáo bạch này sử dụng số liệu chủ yếu từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 6 tháng đầu năm 2015 để thể hiện đầy đủ, chính xác hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

6.1 Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty qua các năm

Bảng 11. Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2013- 6T/2015

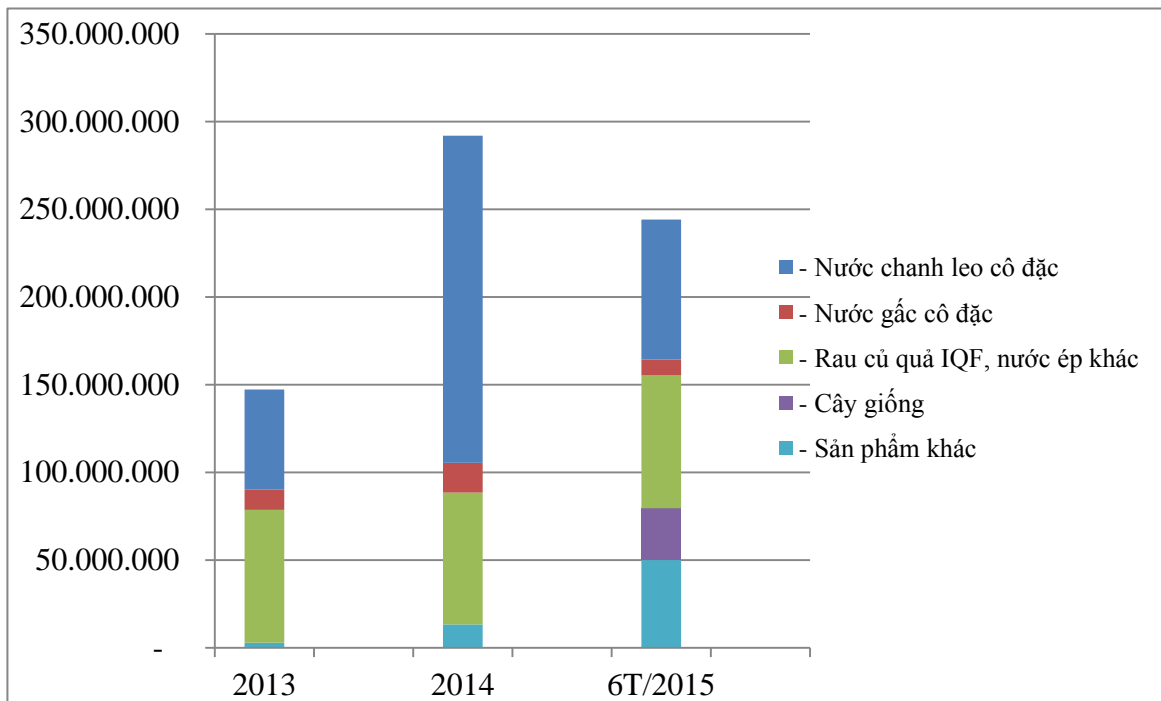
ĐVT:Nghìn đồng

	2013		2014		6T/2015	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
- Nước chanh leo cô đặc	57.201.230	38,8	186.605.217	63,9	79.801.006	32,7
- Nước gấc cô đặc	11.589.046	7,9	17.002.941	5,8	9.046.588	3,7
- Rau củ quả IQF, nước ép khác	75.744.406	51,4	75.190.544	25,7	75.854.153	31,1
- Cây giống	-	-	-	-	29.521.650	12,1
- Sản phẩm khác	2.764.976	1,9	13.205.170	4,5	49.898.407	20,4
Doanh thu thuần	147.299.657	100	292.003.871	100	244.121.805	100

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Bảng 12. Biểu đồ cơ cấu doanh thu giai đoạn 2013- 6T/2015

ĐVT: nghìn đồng



Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Năm 2014 là năm đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu so với năm 2013. Doanh thu thuần năm 2014 là 292.003.871.445 đồng, trong đó doanh thu chanh leo cô đặc đông lạnh là lớn nhất 186.605.216.937đồng, chiếm 63,9% doanh thu thuần. Doanh thu thuần năm 2014 tăng 98,2%

so với năm 2013.

Đối với hoạt động xuất khẩu, năm 2014 doanh thu tại các thị trường như sau:

- Các nước Tây Âu: 62%
- Các nước Bắc Mỹ: 20%
- Khu vực châu Á: 10%
- Úc: 4%
- Các nước khác: 4%.

Hai sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Công ty bao gồm:

- Nước chanh leo cô đặc (Chủ yếu xuất sang thị trường Tây Âu: 76%, Châu Á: 11%, Bắc Mỹ: 5%, Úc: 3% và các thị trường khác là 4%),
- Gấc cô đặc (Chủ yếu xuất sang thị trường Mỹ: 94%, Trung Quốc: 6%)

Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2013- 6T/2015

DVT: Nghìn đồng

	2013		2014		6T/2015	
	Giá trị	% Lợi nhuận gộp	Giá trị	% Lợi nhuận gộp	Giá trị	% Lợi nhuận gộp
- Nước chanh leo cô đặc	2.062.150	17,5	18.865.088	55,2	11.551.131	21,5
- Nước gấc cô đặc	1.156.926	9,8	1.981.955	5,8	1.061.815	2,0
- Rau củ quả IQF, nước ép khác	8.530.025	72,5	10.310.064	30,2	19.680.235	36,6
- Cây giống	-	-	-	-	17.560.882	32,7
- Sản phẩm khác	9.864	0,1	3.023.057	8,8	3.899.047	7,3
Lợi nhuận gộp	11.758.963	100	34.180.164	100	53.753.110	100

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và báo cáo Hợp nhất 6 tháng 2015

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 của sản phẩm nước chanh leo cô đặc chiếm tỷ trọng cao nhất nhưng lợi nhuận gộp chỉ chiếm 21,5%, thấp hơn lợi nhuận gộp của 2 nhóm sản phẩm rau củ quả IQF và cây giống. Do đặc tính mùa vụ, cây chanh leo được thu hoạch nhiều từ tháng 5 cho đến hết năm, nên việc phân bổ đều chi phí cả năm khiến cho tỷ lệ lợi nhuận của sản phẩm chanh leo cô đặc 6 tháng đầu năm chưa cao. Cây giống là sản phẩm có lợi nhuận biên rất lớn, khoảng 50 - 60%. Sản phẩm cây giống được Công ty độc lập nghiên cứu và phát triển, có nhiều ưu thế so với các loại cây giống khác trên thị trường nên tính cạnh tranh rất cao. Nhận ra cơ hội của lĩnh vực này, Công ty đang triển khai mở rộng dự án vườn ươm. Dù sản xuất nước chanh leo cô đặc không mang lại lợi nhuận biên lớn bằng sản phẩm cây giống, nhưng đây lại là bước giúp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cây giống nên được Công ty phát triển đồng thời. Hơn

nữa, sản phẩm nước chanh leo cô đặc đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường quốc tế mang lại doanh thu lớn cho Công ty.

Đối với sản phẩm gấc, do cần thời gian nghiên cứu và trồng thử nghiệm nên doanh thu và lợi nhuận chưa chiếm tỷ trọng cao so với các sản phẩm khác. Đặc điểm của cây gấc là có cây đực và cây cái, để phát triển vùng nguyên liệu quy mô rộng 150ha cần thời gian chọn lọc từ 3 – 5 năm. Do đó, doanh thu và lợi nhuận giai đoạn 2013 – 2015 chưa thể hiện được hết quy mô và giá trị sản phẩm này mang lại. Hiện nay Công ty đã hoàn thành giai đoạn chọn lọc cây và dự kiến có nguồn nguyên liệu dồi dào từ cuối năm 2015 và doanh thu ổn định từ năm 2016. Công ty đánh giá gấc là sản phẩm rất tiềm năng, chỉ trồng được ở Việt Nam, có giá trị dinh dưỡng cao và đã được thị trường quốc tế đón nhận. Do đó, Công ty lựa chọn gấc là một trong những sản phẩm chủ lực, hứa hẹn mang lại doanh thu và lợi nhuận cao trong những năm tới.

Kế hoạch phát triển sản phẩm gấc:

Thứ nhất là về điều kiện thiên nhiên, Công ty đánh giá hiện nay chỉ miền bắc Việt Nam mới có thể trồng cây gấc cho ra quả có hàm lượng chất dinh dưỡng đạt tiêu chuẩn. Do đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu tại các tỉnh thành phía Bắc.

Thứ hai, Công ty có kế hoạch xây dựng nhà máy thu mua và chế biến trên cùng địa bàn, nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển nguyên liệu.

Thứ ba, Công ty tăng cường cải thiện kỹ thuật trồng và chăm sóc, giúp cho cây đạt năng suất cao và có giá trị dinh dưỡng đảm bảo tiêu chuẩn.

Thứ tư, việc nghiên cứu các sản phẩm từ gấc được Công ty chú trọng, nhằm tạo ra những sản phẩm chất lượng, dễ sử dụng và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2014 theo thị trường:

- Các nước Tây Âu: 55%
- Các nước Bắc Mỹ: 18%
- Khu vực châu Á: 21%
- Úc: 2%
- Các nước khác: 4%.

Mặc dù khu vực châu Á doanh thu thấp hơn khu vực Bắc Mỹ nhưng do thuận lợi về vị trí địa lý, tiết kiệm được tiền vận chuyển nên tỷ suất lợi nhuận mang lại cao hơn thị trường Bắc Mỹ.

6.2 Nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tới trên 70% giá vốn sản phẩm. Sự hình thành và phát triển của các vùng nguyên liệu là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của Công ty, được Ban giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm.

Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Hiện nay, Nafoods Group có hai nguồn nguyên liệu chính bao gồm tự quản lý và thu mua của người dân.

- Nguồn nguyên liệu Công ty quản lý, bao gồm:
 - + 650 ha chanh leo tại huyện Quế Phong, Nghệ An.
 - + 150 ha tại Tân Thắng, Quỳnh Lưu, Nghệ An để tiến hành trồng Gấc và chăn nuôi;
 - + 2 ha tại Tri Lễ, Quế Phong, Nghệ An để xây dựng viện ươm giống công nghệ cao. Sản lượng giống: trên 2 triệu cây giống/năm.
 - + Ngoài ra, Công ty còn tiến hành phát triển nguyên liệu ớt và các loại rau củ quả khác tại địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;
- Dự án phát triển vùng nguyên liệu: nhằm mục tiêu chủ động, ổn định và phát triển vùng nguyên liệu, Công ty có 2 dự án đang được triển khai như sau:
 - + Dự án mở rộng vườn ươm trên địa bàn xã Tri Lễ, huyện Quế Phong với tổng mức đầu tư 53 tỷ đồng, dự kiến tháng 5 năm 2016 bắt đầu đi vào hoạt động. Dự án do CTCP Giống Nafoods thực hiện.
 - + Dự án mở rộng diện tích trồng cây chanh leo: 400 ha tại huyện Quế Phong có tổng mức đầu tư 86,6 tỷ đồng được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn 1: 100 ha dự kiến bắt đầu có doanh thu vào tháng 11/2016, giai đoạn 2: 100 ha dự kiến bắt đầu có doanh thu vào tháng 8/2017, giai đoạn 3: 200 ha dự kiến bắt đầu có doanh thu vào tháng 5/2018. Dự án do CTCP Chanh leo Nafoods thực hiện.

Một số hình ảnh vùng nguyên liệu của CTCP Nafoods Group



Vùng nguyên liệu trồng chanh leo

Vùng nguyên liệu trồng gấc

- Đối với nguồn nguyên liệu thu mua:
 - + Liên kết với nông dân, doanh nghiệp, đối tác nhà cung cấp phát triển vùng nguyên liệu chanh leo: tại huyện Quế Phong, Nghệ An và ở Tây Nguyên.
 - + Thu mua gấc nguyên liệu của các doanh nghiệp, nhà cung cấp : ở tỉnh Thái Bình, Bắc Giang, Hải Dương và ở khu vực miền Tây Nam Bộ.

Bảng 14. Danh sách một số đơn vị cung cấp nguyên liệu đầu vào

STT	Nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp
1	Doanh nghiệp tư nhân Bảo Long Đức Trọng	Dịch chanh leo
2	Công ty TNHH Một thành viên Thuận Tâm Đăk Nông	Dịch chanh leo
3	Công ty TNHH Một thành viên thương mại Nghĩa Đức Đăk Nông	Dịch chanh leo
4	Công ty TNHH Một thành viên Nông sản Anh Đức	Dịch chanh leo
5	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nông sản Khánh Ngân	Dịch gấc
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hưng Gia Nguyễn	Cà rốt
7	Công ty TNHH Đầu tư Dragon Việt Nam	Gừng
8	Công ty CP Chế biến Thực phẩm XK Miền Tây	Xoài IQF, Dứa IQF rẻ quạt,

		Ngô bảo tử cắt khúc
9	Công ty TNHH Nước giải khát Delta	Mãng cầu xiêm đông lạnh, Sơ ri đông lạnh, Nha đam đông lạnh

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Cách thức chọn lọc và thu mua một số nguyên vật liệu chính

Căn cứ vào màu sắc, trọng lượng quả, tỷ lệ thu hồi, độ brix, axit..., chanh leo được chia làm 2 loại có cách chế biến khác nhau:

Quả Chanh Leo sản xuất IOF

TT	Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn
1	Màu	Tím đậm tự nhiên của quả chín tươi
2	Mùi	Đặc trưng của Quả Chanh Leo chín tươi tự nhiên
3	Vị	Vị tự nhiên
4	Brix	Min 14
5	Trọng lượng	tối thiểu 0.8kg/quả (12-13quả/kg)
6	Đặc điểm ngoại quan	Quả được cắt hết lá, cành. Không được thối úng, dập nát, không sâu bệnh, không được bám bùn đất, rác... Vỏ quả có màu tím đậm, căng mọng, không nhăn, không lõm, không dị tật
7	Độ chín	Vỏ: tím đậm hoàn toàn; Ruột: Chín tự nhiên và có mùi thơm đặc trưng, tốt nhất là để rụng từ trên cây xuống, ruột quả có màu vàng cam đến màu vàng cà rốt.
8	Dư lượng thuốc BVTV	Không có chất phụ gia, chất bảo quản và dư lượng thuốc BVTV
9	Nguồn gốc	Sản phẩm phải có nguồn gốc rõ ràng, có cam kết của nhà cung cấp về nguồn gốc nguyên liệu không phải là sản phẩm biến đổi gen và cam kết về việc sử dụng thuốc BVTV theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp (hoặc nhà cung cấp).

Quả chanh leo chế biến lấy dịch chanh leo cô đặc

TT	Yêu cầu	Chi tiết
1	Độ chín	Chín tự nhiên và có mùi thơm đặc trưng, tốt nhất là để rụng từ trên cây xuống, ruột quả có màu vàng cam đến màu vàng cà rốt.
2	Mùi vị	Thơm đặc trưng của quả Chanh leo chín tươi
3	Đặc điểm bên ngoài	Sạch, không dính bám tạp chất như bùn, rác... không bị côn trùng gặm nhấm, châm đốt, không bám giập, không có vết thương hở, không dị tật, không úng thối. Quả phải được cắt hết lá, cành.

4	Màu vỏ	Màu tím 2/3 quả đến tím hoàn toàn.
5	Tình trạng sâu bệnh	Không bị nhiễm sâu bệnh và các loại nấm.
6	Dư lượng thuốc BVTV	Chỉ được phun thuốc BVTV theo danh mục quy định (nếu có) và tối thiểu trước khi thu hái 15 ngày. Không được sử dụng chất bảo quản sau khi thu hoạch.
7	Trọng lượng, kích thước quả	Tối thiểu 35g/quả, tương đương tối đa 28 quả/kg. Đường kính quả tối thiểu 5cm
8	Nguồn gốc	Sản phẩm phải có nguồn gốc rõ ràng, có cam kết của nhà cung cấp về nguồn gốc nguyên liệu không phải là sản phẩm biến đổi gen và cam kết về việc sử dụng thuốc BVTV theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp (hoặc nhà cung cấp).

Gấc

Đối với quả gấc, tiêu chuẩn yêu cầu là quả đã chín đỏ (đỏ đến 1/2 quả), không dập nát, không thối hỏng, không chín ép, không giấm và trọng lượng quả từ 0,8kg trở lên.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Công ty sử dụng phần lớn nguyên vật liệu từ các vùng nguyên liệu Công ty quản lý thông qua các nhà cung cấp truyền thống, vùng nguyên liệu Công ty tự trồng và liên kết với nông dân nên Công ty có thể kiểm soát được phần lớn sự biến động của giá cả nguyên vật liệu. Đây là một lợi thế rất lớn khi các hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm khác đều sử dụng nguồn nguyên liệu thu mua từ bên ngoài.

Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện các cuộc khảo sát, tìm hiểu thông tin thị trường, lựa chọn những đối tác có uy tín, ký kết hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm đầu ra duy trì ở mức ổn định. Việc liên tục nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm kết hợp với mở rộng thị trường ra các nước phát triển giúp cho Công ty hạn chế được rủi ro hàng tồn kho chậm tiêu thụ, giảm ảnh hưởng của biến động giá đến doanh thu và lợi nhuận.

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh

Bảng 15. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013- 6T/2015

ĐVT: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	135.541	92,0	257.824	88,3	190.369	78,0
Chi phí bán hàng	8.476	5,8	15.309	5,2	13.278	5,4
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.414	2,3	4.592	1,6	4.325	1,8
Chi phí tài chính	1.737	1,2	6.599	2,3	4.858	2,0
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.281</i>	<i>0,9</i>	<i>2.719</i>	<i>0,9</i>	<i>4.224</i>	<i>1,7</i>
Tổng chi phí	149.167	101,3	284.323	97,4	212.830	87,2

Nguồn: BCTC kiểm toán công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Chi phí giá vốn chiếm tỷ lệ cao, khoảng 80 - 90% doanh thu thuần và có xu hướng giảm dần trong các năm gần đây do Công ty đã chủ động xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, kiểm soát được giá thành đầu vào. Do hoạt động của Công ty bao gồm cả trực tiếp phân phối bán hàng và xuất khẩu nên chi phí bán hàng cao hơn so với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp khác (bình quân từ 3 – 5% doanh thu). Chi phí doanh nghiệp của Công ty duy trì ở mức phù hợp do cơ cấu hệ thống quản lý tinh gọn, hiệu quả.

Chi phí tài chính chiếm khoảng 2% doanh thu do tỷ lệ sử dụng vốn vay của Công ty tương đối thấp (năm 2013 chiếm 36% tổng nguồn vốn, năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 chiếm 19% tổng tài sản) do tận dụng được nguồn vốn thương mại và vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong khi đối với doanh nghiệp tại Việt Nam, tỷ lệ vay nợ thường chiếm từ 50 – 70% tổng nguồn vốn.

6.4 Trình độ công nghệ

Các sản phẩm của Công ty đang được sản xuất trên hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị như sau:

- Dây chuyền sản xuất nước ép trái cây được lắp đặt từ các thiết bị, máy móc của Đức và Italy có công suất: 5.000 tấn sản phẩm/năm.
- Dây chuyền sản xuất rau củ quả cấp đông (IQF) được lắp đặt từ các thiết bị của Đức có công suất: 2.000 tấn sản phẩm/năm.

Hệ thống dây chuyền hiện đáp ứng các tiêu chuẩn và được cấp các chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ BRC – Chứng nhận đạt tiêu chuẩn các yêu cầu về sản xuất và kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào an toàn cho người tiêu dùng, 2014-2015 - Chứng chỉ bắt

buộc đối với thực phẩm bán lẻ tại thị trường Hiệp hội các quốc gia liên hiệp Anh. Tiêu chuẩn BRC được các quốc gia Châu Âu thừa nhận.

- Chứng chỉ đạt tiêu chuẩn AIJN – Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt toàn Châu Âu.
- Chứng chỉ ISO 9001:2008 - Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng.
- Chứng chỉ ISO 22000:2005 và HACCP - Chứng nhận hệ thống sản xuất tuân theo các yêu cầu của Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường - Bộ tài nguyên môi trường chứng nhận.
- Chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện ATVSTP - Sở Nông nghiệp tỉnh Nghệ An chứng nhận.
- Nước cung cấp sản xuất và sinh hoạt phù hợp với tiêu chuẩn nước uống do Bộ Y tế quy định (QCVN 02:2009/BYT).

Mặt khác, Công ty đang có kế hoạch xây dựng dây chuyền sản xuất tại Long An, có công suất như sau:

- Công suất dây chuyền sản xuất nước ép trái cây: 5.000 tấn sản phẩm/năm.
- Công suất dây chuyền sản xuất rau củ quả cấp đông (IQF): 4.800 tấn sản phẩm/năm.

6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty là phòng QA, thực hiện việc kiểm soát các mối nguy cơ có thể xảy ra ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, kiểm soát trên lưu đồ sản xuất, theo các điểm đã được phân tích. Tập trung chủ yếu vào 3 mối nguy cơ: vật lý, hóa học và sinh học.

Phương pháp kiểm soát đối với từng mối nguy cơ:

- Vật lý: quan sát hành vi của nhân viên chế biến thông qua camera giám sát và bằng máy phát hiện kim loại.
- Hóa học: dùng phương pháp chuẩn hóa chất để kiểm tra, giám sát.
- Sinh học: dùng phương pháp oxi hóa để diệt vi sinh, dùng nhiệt để loại bỏ vi sinh và dùng phương pháp phân lập để xác nhận số lượng tồn dư trên sản phẩm.

Ngoài ra, Công ty sử dụng các thiết bị đo để đảm bảo các thông số như Bx, acid, PH, hàm lượng sơ, kích thước sản phẩm... nhằm đạt tiêu chuẩn của đơn vị thu mua.

Tần suất kiểm tra được thực hiện ít nhất 30 phút/lần.

Các sản phẩm được kiểm soát bao gồm: Chanh leo cô đặc, chanh leo Puree, chanh leo IQF, gấc puree và các sản phẩm IQF và puree khác.

Tỷ lệ sản phẩm không đạt chất lượng duy bình quân dưới 5%.

Hệ thống tiêu chuẩn Công ty áp dụng và đã được cấp chứng chỉ chứng nhận, bao gồm:

- Chứng chỉ “SGF” – chứng nhận hàng đạt tiêu chuẩn của Hiệp hội bảo vệ quyền lợi cho các nhà sản xuất và người tiêu dùng trên thế giới về sản phẩm có nguồn gốc từ hoa quả. Chứng chỉ cho sản phẩm hàng hóa vào các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ
- Chứng chỉ “Kosher” – Chứng nhận hàng phù hợp tiêu chuẩn của người Do Thái do hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng Do thái chứng nhận. Chứng chỉ vào thị trường Châu Âu, Châu Mỹ (các quốc gia có người Do Thái)
- Chứng chỉ “Halal” – Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn của người Đạo Hồi do hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng Đạo Hồi chứng nhận; Sản phẩm phù hợp đối với người tiêu dùng theo đạo hồi tại các quốc gia Trung Đông, Mỹ,...
- Các chứng chỉ chất lượng sản phẩm đảm bảo an toàn - Sở Y tế tỉnh Nghệ An cấp.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng rất lớn cho Công ty. Ý thức được điều này. Công ty đã thành lập bộ phận chuyên nghiên cứu, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm.

Sản phẩm chủ yếu của là nước cô đặc chanh leo và các sản phẩm từ hoa quả khác dùng làm nguyên liệu cho các đơn vị nước ngoài sản xuất nước uống và thực phẩm chức năng.

Bên cạnh đó, Công ty hiện đang phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu, phát triển dây chuyền sản xuất sản phẩm nước ép trái cây, tương ớt, dầu gấc, thực phẩm chức năng đóng hộp. Cụ thể, Công ty đặt mục tiêu cuối quý IV năm 2015 sẽ hoàn thiện và tung ra thị trường trong nước thử nghiệm dòng sản phẩm:

- Nước ép trái cây cô đặc (JUICE SMILE - dòng sản phẩm nước ép trái cây cô đặc với 5 vị trái cây: cam, nho, lựu, chanh leo & dứa. Sản phẩm mang thương hiệu Nafoods, được sản xuất và đóng gói tại Tây Ban Nha, đạt chuẩn Châu Âu). Lý do Công ty lựa chọn việc sản xuất và đóng gói tại Tây Ban Nha vì hiện nay tại Việt Nam chưa có dây chuyền sản xuất sản phẩm nước ép trái cây tươi không sử dụng chất bảo quản. Việc đầu tư dây chuyền thiết bị mới có giá thành cao hơn nhiều việc thuê dây chuyền sẵn có của đối tác. Mặt khác, những nguyên liệu sản phẩm nước cam, nho, lựu chủ yếu được cung cấp bởi các vùng nguyên liệu của Tây Ban Nha nên việc chế biến và sản xuất tại đây giúp Công ty giảm được khâu vận chuyển nguyên liệu thô.

Một số thông tin về đối tác đóng gói sản phẩm tại Tây Ban Nha:

Tên doanh nghiệp: FRUIT TECH NATURAL (FTN)

Địa chỉ: Ctra. Madrid – Cartagena, km.39030100 Espinardo – Murica (Spain)

Website: www.fruitechnatural.com

FTN đóng vai trò là: nhà sản xuất & đóng gói bao bì theo chuẩn Tetra Pak đạt chuẩn Châu Âu.

Năng lực sản xuất của FTN:

- 18 dây chuyền sản xuất nước ép trái cây
- Dây chuyền sản xuất phối trộn
- 4 Dây chuyền Aseptic
- Dây chuyền sản xuất rau,...
- 8 phòng Lab và hơn 100 kỹ sư nghiên cứu R&D.

Ngoài dự án nêu trên, Công ty đang nghiên cứu và triển khai dự án đầu tư nuôi bò Úc thương phẩm gắn với sản xuất phân bón hữu cơ với quy mô từ 22.000 - 24.000 con/năm trong giai đoạn 2016 -2017. Dự án có tổng mức đầu tư 245 tỷ đồng do CTCP Chăn nuôi Tân Thắng thực hiện. Theo kế hoạch, dự án được đưa vào hoạt động từ quý II/2016.

6.7 Một số dự án công ty đang triển khai

Dự án mở rộng quy mô vườn ươm giống

Tổng mức đầu tư	53 tỷ đồng
Vốn vay	Dự án không sử dụng vốn vay
Địa điểm	Quế Phong, Nghệ An
Sản lượng	2,4 triệu cây giống/năm
Khởi công	1/2016
Thời gian hoàn thành	5/2016
Doanh thu dự kiến	55 -60 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận sau thuế dự kiến	17 – 18 tỷ đồng/năm
Thời gian hoàn vốn	2,5 năm
Ưu đãi thuế TNDN (TT 123/2012/BTC)	<ul style="list-style-type: none"> • Miễn thuế 4 năm (kể từ năm đầu tư dự án) • Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo • Hết thời gian giảm số thuế phải nộp sẽ được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm tiếp theo

Dự án mở rộng diện tích trồng cây chanh leo

Tổng mức đầu tư	86,6 tỷ đồng
Vốn vay	43,3 tỷ đồng
Diện tích	400 ha (chia thành 3 giai đoạn: 100ha, 100ha và 200 ha)
Địa điểm	Quế Phong, Nghệ An
Sản lượng	18.300 - 26.000 tấn/năm
Thời gian triển khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: 10/2015 – 06/2016 - Giai đoạn 2: 6/2016 – 03/2017 - Giai đoạn 3: 10/2017 – 12/2017
Doanh thu dự kiến	100 - 130 tỷ đồng/năm

Lợi nhuận sau thuế dự kiến	21 - 34 tỷ đồng/năm
Thời gian hoàn vốn	2,8 năm
Ưu đãi thuế TNDN (TT 123/2012/BTC)	<ul style="list-style-type: none"> • Miễn thuế 4 năm (kể từ năm đầu tư dự án) • Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo • Hết thời gian giảm số thuế phải nộp sẽ được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm tiếp theo

Dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc

Tổng mức đầu tư	245 tỷ đồng
Vốn vay	122,5 tỷ đồng
Địa điểm	xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An
Số lượng	24.000 con/năm
Khởi công	12/2015
Thời gian hoàn thành	5/2016
Doanh thu dự kiến	700 - 772 tỷ đồng/năm
Lợi nhuận sau thuế dự kiến	45 - 81 tỷ đồng/năm
Thời gian hoàn vốn	4,37 năm
Ưu đãi thuế TNDN	15%/năm

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Tiến độ thực hiện 3 dự án đến thời điểm hiện tại:

- Đối với dự án mở rộng quy mô vườn ươm cây giống: Công ty đã quy hoạch, thiết kế xong mô hình nhà kính và đang thực hiện thủ tục cấp đất và giải phóng mặt bằng.
- Đối với dự án mở rộng diện tích trồng cây chanh leo: Đối với diện tích 100ha giai đoạn 1, Công ty đã thực hiện xong các thủ tục về đất đai, đang thực hiện khai hoang và cải tạo đất. Đối với diện tích 300ha giai đoạn 2 và giai đoạn 3, Công ty đang thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai.
- Đối với dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc: Công ty đã thực hiện thiết kế và quy hoạch mặt bằng, khoan giếng thăm dò nguồn nước. Công ty đã nghiên cứu và nhận thấy lợi ích rất lớn của dự án như: phụ phẩm của quy trình sản xuất nước chanh leo cô đặc (vỏ chanh leo) khi ủ men làm thức ăn có nhiều chất dinh dưỡng cho bò, phụ phẩm của dự án nuôi bò (phân hữu

cơ) được sử dụng để làm phân bón sạch cho chanh leo và gấc, giúp tận dụng nguyên liệu, tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Về kỹ thuật chăn nuôi bò, đối tác đến từ Úc với nhiều năm kinh nghiệm sẽ chịu trách nhiệm chính.

Một số thông tin về đối tác dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc:

- *Tên doanh nghiệp: Công ty Purcell Brothers(Purcell)*
- *Địa chỉ trụ sở chính: 14 Herbert Street, Dublin 2, Ireland.*
- *Thành lập từ năm 1970, đến nay Purcell có 45 năm kinh nghiệm cung cấp giống gia súc từ Ireland, Australia, New Zealand và Nam Mỹ tới các nước như Libya, Ai Cập, Iran, Algeria, Lebanon, Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Các nước vùng Caribe và Trung Quốc.*
- *Công ty có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp giống và chăn nuôi bò thịt.*
- *Trực tiếp quản lý 2 trang trại có quy mô từ 6.000 – 7.000ha/trang trại.*
- *Tại Việt Nam: Công ty Purcell đã cung cấp giống bò cho CTCP Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kết Phát Thịnh.*

6.8 Hoạt động marketing

Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tiếp thị và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong Công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Công ty ra ngoài thị trường. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Công ty đã giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ có quy mô quốc tế như Anuga (Đức), Sial (Pháp), Seoul food (Hàn Quốc), Foodex (Nhật Bản), AIFI (Mỹ), ...Nhờ đó, sản phẩm của Công ty đã từng bước phát triển đối với thị trường trong nước và dần tạo dựng một thương hiệu có uy tín trên thị trường thế giới.

Đối với thị trường trong nước, vào quý IV 2015 Công ty sẽ tham dự Hội nghị Quốc tế Ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam trong khuôn khổ Triển lãm Quốc tế Công nghiệp Thực phẩm Việt Nam (Vietnam Foodexpo 2015).

Hoạt động Marketing phát triển thương hiệu

Công ty đã đầu tư xây dựng và phát triển bộ nhận diện thương hiệu mới cho Nafoods một cách bài bản và chuyên nghiệp theo những giá trị cốt lõi và định vị thương hiệu đã xây dựng: “Trọn vẹn từ thiên nhiên”, đồng thời xây dựng các ấn phẩm truyền thông xuyên suốt mang thương hiệu Nafoods.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Slogan: “Trọn vẹn từ thiên nhiên”

Nhãn hiệu hàng hoá:

Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu thương mại đối với các nhóm hàng: Nhóm 5, nhóm 29, 30, 31, 32, 33, 43, 44. Trong đó, đơn đăng ký đã được chấp nhận.

6.10 Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 16. Tình hình thực hiện các hợp đồng lớn đã được ký kết của Công ty tính đến thời điểm 30/8/2015

STT	Số hợp đồng	Tên đối tác	Tên dịch vụ	Giá trị (USD)	Tình hình thực hiện HĐ
1	E109612.006	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	109.375	Đã giao hàng 2015
2	E109612.007	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	102.813	Đã giao hàng 2015
3	E109612.008	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	109.375	Đã giao hàng 2015
4	201405AV/CV-RL	RAYLEX	Nước ép nha đam	28.750	Đã giao hàng 2015
5	SoursopFRZ2014NA	SUN TROPICS	Nước ép Mãng cầu xiêm	76.464	Đã giao hàng 2015
6	2447	BARTH FRUIT	Nước ép Mãng cầu xiêm	47.502	Đã giao hàng 2015
7	E109619.001	FLAGFOOD	IQF Dứa rẽ quạt	33.600	Đã giao hàng 2015
8	27036	NATURE TOUCH	IQF xoài cắt miếng	407.790	Đã giao hàng 2015
9	E109612.009	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	109.375	Đã giao hàng 2015
10	K 10180	KEN WELL	Nước ép Mãng cầu xiêm	13.300	Đã giao hàng 2015
11	201409MP/NAG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh chua đông lạnh	4.200	Đã giao hàng 2015
12	201409MP/NAG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	15.456	Đã giao hàng 2015
13	201501MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh chua đông lạnh	7.750	Đã giao hàng 2015
14	201501MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	975	Đã giao hàng 2015
15	201501MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép Mãng cầu xiêm	390	Đã giao hàng 2015
16	201501MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	12.180	Đã giao hàng 2015
17	E109612.010	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	78.750	Đã giao hàng 2015
18	E109612.011	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	109.375	Đã giao hàng 2015
19	E109612.011	FLAGFOOD	IQF Dứa rẽ quạt	33.600	Đã giao hàng 2015
20	DSNF1501-1	DS GLOBAL	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	115.310	Đã giao hàng 2015
21	E109807.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	656.250	Đã giao hàng 2015
22	or11338	TROPEX	Nước ép Mãng cầu xiêm	51.840	Đã giao hàng 2015
23	FY-150209	FOODYA	IQF xoài stick	15.488	Đã giao hàng 2015
24	150306.02	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	42.840	Đã giao hàng 2015
25	150303.01	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	88.200	Đã giao hàng 2015
26	STR-2207/15	VALUTRADE BUSINESS CORP	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	44.640	Đã giao hàng 2015

27	E109619.003	FLAGFOOD	IQF Dứa rế quạt	33.600	Đã giao hàng 2015
28	1402460	WORLD FOODS	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	40.040	Đã giao hàng 2015
29	STR-2195/14	VALUTRADE BUSINESS CORP	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	107.500	Đã giao hàng 2015
30	PO1100013050	YOKE FOOD INDUSTRIES	Nước ép Mãng cầu xiêm	23.328	Đã giao hàng 2015
31	786/0	PT HALE INTERNATIONAL	Nước ép Mãng cầu xiêm	25.402	Đã giao hàng 2015
32	201405AV/CV-RL	RAYLEX	Nước ép nha đam	28.750	Đã giao hàng 2015
33	2476	BARTH FRUIT	Nước ép Mãng cầu xiêm	227.430	Đã giao hàng 2015
34	JVPO2015/007	JV SALES	Nước ép Mãng cầu xiêm	150.000	Đã giao hàng 2015
35	150323.03	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	88.200	Đã giao hàng 2015
36	IWIF150130-1	IWAKI	Cà rốt IQF	1.265	Đã giao hàng 2015
37	TK-03072014	TAEKYUNG NONGSAN CO.,LTD.	Ớt tươi IQF	530.000	Đang thực hiện 2015
38	RM15/001	TROPFIN	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	95.400	Đã giao hàng 2015
39	1389	GLOBAL GATEWAYS PTY	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	100.800	Đã giao hàng 2015
40	E109809.001	FLAGFOOD	Xoài puree đông lạnh	19.753	Đã giao hàng 2015
41	P023/04/2015	PRIME PRODUCTS INDUSTRY	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	27.360	Đã giao hàng 2015
42	E109948.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	343.125	Đã giao hàng 2015
43	150416.04	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	40.320	Đã giao hàng 2015
44	4150131610/1	SUMOL	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	81.000	Đã giao hàng 2015
45	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	Nước ép chanh leo có hạt đông lạnh	21.450	Đã giao hàng 2015
46	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	Xoài puree đông lạnh	618	Đã giao hàng 2015
47	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	IQF xoài cắt miếng	2.529	Đã giao hàng 2015
48	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	1.025	Đã giao hàng 2015
49	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	Nước ép chanh leo có hạt đông lạnh đông tub	2.048	Đã giao hàng 2015
50	1394	GLOBAL GATEWAYS PTY	Hạt chanh leo đông lạnh	308	Đã giao hàng 2015
51	201502MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	14.160	Đã giao hàng 2015
52	201502MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép vải cô đặc đông lạnh	599	Đã giao hàng 2015
53	201502MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh chua đông lạnh	2.030	Đã giao hàng 2015
54	27156	NATURE TOUCH	IQF xoài cắt miếng	25.200	Đã giao hàng 2015
55	27156	NATURE TOUCH	IQF chuối cắt lát	14.400	Đã giao hàng 2015
56	E109950.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	571.875	Đã giao hàng 2015
57	150506.05	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	37.170	Đã giao hàng 2015
58	201501MGS/NFG-GV	GREEN VALLEY	IQF xoài stick	47.430	Đã giao hàng 2015
59	94979	LAMEX	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	56.259	Đã giao hàng 2015
60	E109949.001	FLAGFOOD	Nước ép Sơ ri đông lạnh	29.440	Đã giao hàng 2015
61	160215MCMNF-001	MARUZEN	Gừng tươi	10.750	Đã giao hàng 2015
62	E109948.002	FLAGFOOD	Xoài puree đông lạnh	11.457	Đã giao hàng 2015
63	201501PJ/NAG-TAL	TRADEX	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	24.890	Đã giao hàng 2015
64	140491R1	WATS CO. LTD	Gừng nghiền	17.500	Đã giao hàng 2015
65	TRADEX.NAF.13.01.15.07.1	TRADEX	IQF xoài stick	26.161	Đã giao hàng 2015
66	TRADEX.NAF.13.01.15.07.2	TRADEX	IQF xoài stick	3.782	Đã giao hàng 2015
67	150518.06	WORLD FOODS	Nước quả Gấc đông lạnh	108.630	Đã giao hàng 2015
68	65354	BARTH FRUIT	Nước ép Mãng cầu xiêm	49.000	Đã giao hàng 2015

69	201502SP/NAG-TAL	TRADEX	Nước ép Mãng cầu xiêm	17.424	Đã giao hàng 2015
70	1505340	WORLD FOODS	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	115.375	Đã giao hàng 2015
71	201502MGS/NFG-GV	GREEN VALLEY	IQF xoài stick	24.552	Đã giao hàng 2015
72	TRADEX.NAF.13.01.15.08	TRADEX	IQF xoài stick	11.874	Đã giao hàng 2015
73	E109981.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	600.000	Đã giao hàng 2015
74	RM15/003	TROPFIN	Nước ép Mãng cầu xiêm	46.620	Đã giao hàng 2015
75	E109809.002	FLAGFOOD	Xoài puree đông lạnh	23.940	Đã giao hàng 2015
76	TRADEX.NAF.03.06.15.01	TRADEX	IQF xoài stick	17.276	Đã giao hàng 2015
77	65352	BARTH FRUIT	Nước ép Mãng cầu xiêm	43.320	Đã giao hàng 2015
78	KP 00000214	KEN WELL	Nước ép Mãng cầu xiêm	15.040	Đã giao hàng 2015
79	35232-1	PJIMPEX	IQF chuối cắt lát	26.680	Đã giao hàng 2015
80	00250415-01	SHIN JEONG	IQF chanh leo	15.600	Đã giao hàng 2015
81	E109981.002	FLAGFOOD	Nước ép dứa cô đặc đông lạnh	8.190	Đã giao hàng 2015
82	2015-1127	INTEGRATED PACKAGING SYSTEMS FZCO	Nước ép vải đông lạnh	27.497	Đã giao hàng 2015
83	20150603	MAULIN	IQF xoài cắt miếng	46.000	Đã giao hàng 2015
84	E109809.002	FLAGFOOD	Nước ép xoài đông lạnh	23.940	Đã giao hàng 2015
85	DSNF1505-1	DS GLOBAL	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	115.310	Đã giao hàng 2015
86	35368-1	PJIMPEX	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	48.704	Đã giao hàng 2015
87	65375	BARTH FRUIT	Nước ép Mãng cầu xiêm	43.320	Đã giao hàng 2015
88	201505MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép quýt đông lạnh	4.050	Đã giao hàng 2015
89	201505MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	5.850	Đã giao hàng 2015
90	201505MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép Mãng cầu xiêm	3.660	Đã giao hàng 2015
91	201505MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	3.750	Đã giao hàng 2015
92	E109981.002	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	127.500	Đã giao hàng 2015
93	201504MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	13.664	Đã giao hàng 2015
94	201504MP/NFG-AI	ALLIANCE	Nước ép chanh chua đông lạnh	4.480	Đã giao hàng 2015
95	RM15/006	TROPFIN	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	126.250	Đã giao hàng 2015
96	E109981.003	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	130.000	Đã giao hàng 2015
97	E209612.016	FLAGFOOD	Nước ép vải cô đặc đông lạnh	384.300	Đã giao hàng 2015
98	E110245.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	662.500	Đã giao hàng 2015
99	P150420	COBELL	Nước ép nha đam	28.000	Đã giao hàng 2015
100	E109909.001	FLAGFOOD	Nước ép Mãng cầu xiêm	93.240	Đã giao hàng 2015
101	35487-1	PJIMPEX	IQF chuối cắt lát	24.780	Đã giao hàng 2015
102	35523-1	PJIMPEX	IQF chuối cắt lát	24.780	Đã giao hàng 2015
103	E110276.001	FLAGFOOD	Nước ép vải cô đặc đông lạnh	76.860	Đã giao hàng 2015
104	1507240	WORLD FOODS	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	255.000	Đang thực hiện 2015
105	140493 Rev.1	WATS CO. LTD	Gừng nghiền	17.500	Đã giao hàng 2015
106	TRADEX.NAF.03.07.15.01	TRADEX	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	12.150	Đã giao hàng 2015
107	STR-2195/14.2	VALUTRADE BUSINESS CORP	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	112.500	Đã giao hàng 2015
108	35486-1	PJIMPEX	IQF xoài cắt miếng	45.600	Đã giao hàng 2015
109	PO1100013051	YOKE FOOD INDUSTRIES	Nước ép Mãng cầu xiêm	22.032	Đã giao hàng 2015
110	E110245.003	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	95.400	Đã giao hàng 2015
111	E110245.003	FLAGFOOD	Xoài puree đông lạnh	6.498	Đã giao hàng 2015
112	RM15/006	TROPFIN	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	126.250	Đã giao hàng 2015
113	27272	NATURE TOUCH	IQF chuối cắt lát	28.800	Đã giao hàng 2015
114	E110307.002	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	97.280	Đã giao hàng 2015
115	35572-1	PJIMPEX	IQF chuối cắt lát	25.830	Đã giao hàng 2015
116	1501IBN/NFG-MK	MIKI	IQF chuối cắt lát	54.600	Đã giao hàng 2015
117	140504	WATS CO. LTD	Gừng sấy	655	Đã giao hàng 2015
118	E110424.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	650.000	Đang thực hiện 2015

119	E15082015.001	FLAGFOOD	IQF chuối cắt lát	27.600	Đã giao hàng 2015
120	201506CP/NAG-AI	ALLIANCE	Nước ép quả Tắc đông lạnh	17.500	Đã giao hàng 2015
121	E15082015.002	FLAGFOOD	IQF chuối cắt lát	27.600	Đã giao hàng 2015
122	1501MP/NFG-ZEF	ZENA	Nước ép chanh leo không hạt đông lạnh	2.280	Đã giao hàng 2015
123	1501MP/NFG-ZEF	ZENA	Nước ép Mãng cầu xiêm	4.440	Đã giao hàng 2015
124	PF001-15/EP	ELAND PARK	IQF chanh leo	18.564	Đã giao hàng 2015
125	E110564.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	700.000	Đang thực hiện 2015
126	0109-2015	VERBRUGGEN	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	280.000	Đang thực hiện 2015
127	201507MP/NAG-AI	ALLIANCE	Nước ép tắc đông lạnh	18.234	Đang thực hiện 2015
128	201508CP/NAG-AI	ALLIANCE	Nước ép tắc đông lạnh	17.710	Đang thực hiện 2015
129	or11444	Tropextrakt gmbh,	Nước ép quả đông lạnh	27.194	Đang thực hiện 2015
130	PO11000130502	YOKE FOOD INDUSTRIES	Nước ép Mãng cầu xiêm	23.976	Đang thực hiện 2015
131	E110648.001	FLAGFOOD	Nước ép chanh leo cô đặc đông lạnh	2.100.000	Đang thực hiện 2015

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Về tiến độ thực hiện hợp đồng năm 2015, do các đơn vị sản xuất và Công ty con chưa lập báo cáo tổng kết nên Nafoods Group chưa có số cụ thể để đưa vào nội dung bản cáo bạch.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 17. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2013-6T/2015

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm 2014 so với 2013	6 tháng đầu năm 2015
1	Tổng tài sản	82.979	175.255	111%	495.400
2	Vốn đầu tư chủ sở hữu	40.000	104.000	160%	300.000
3	Vốn chủ sở hữu	34.386	116.987	240%	338.559
4	Doanh thu thuần	147.300	292.004	98%	244.122
5	Lợi nhuận từ HĐKD	1.304	19.836	1.421%	35.757
6	Lợi nhuận khác	114	-145	-227%	133
7	Lợi nhuận trước thuế	1.419	19.691	1.288%	35.167
8	Lợi nhuận sau thuế	1.419	18.601	1.211%	32.240
9	EPS (VND/cổ phần)	452	4.499	895%	1.915
11	LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	4,1%	24,6%	593%	14,2%

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Năm 2014 là năm đánh dấu mốc thành công của chiến lược tập trung phát triển chuỗi giá trị gia tăng khép kín của Công ty sau thời gian tái cơ cấu, từ sản xuất giống - trồng trọt đến chăn nuôi - sản xuất - tiêu thụ. Nhờ đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường hợp tác thu mua, thúc đẩy tiêu thụ mảng chủ lực là xuất khẩu dịch chanh leo, tự chủ và cung cấp ra thị trường được giống chanh leo sạch bệnh, Công ty đã đẩy mạnh được sản lượng và doanh thu, nhờ vậy doanh thu năm 2014 tăng 98%, lợi nhuận sau thuế tăng 1.211% so với doanh thu và lợi nhuận năm trước. Nếu

tính theo vốn điều lệ bình quân cả năm (trước và sau tăng vốn), EPS của Công ty đạt 4.499 đồng.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2015 phần nào khẳng định hướng đi đúng đắn khi Công ty theo đuổi chiến lược chuỗi giá trị nông nghiệp khép kín, trong đó lấy cây chanh leo và cây gấc là trọng tâm. So với kế hoạch 2015 doanh thu 530 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 47 tỷ đồng, đến thời điểm 30/6 Công ty đã đạt được 244 tỷ đồng doanh thu (tương đương 46% kế hoạch) và 32,2 tỷ đồng lợi nhuận (tương đương 68,5%). Sở dĩ doanh thu 6 tháng đầu năm thấp hơn 50% là do tính mùa vụ của sản phẩm chủ lực. Mùa thu hoạch chanh leo bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 12. EPS 6 tháng đầu năm của Công ty đạt 1.915 đồng/cổ phần.

So với các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Công ty có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận lớn hơn rất nhiều. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành năm 2014 tăng 11,2% so với năm 2013.

8. Thành tựu và những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015

Trên cơ sở phân tích nội tại Công ty cùng với yếu tố môi trường kinh doanh tác động, Công ty đã gặp những thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh như sau:

❖ Thuận lợi

• Yếu tố khách quan

- Nước ta nằm trong vùng nhiệt đới có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Khí hậu nóng ẩm, gió mùa, lượng nhiệt và độ ẩm cao, đất đai nhiều phù sa thuận lợi cho nhiều loại cây trồng phát triển

- Chính phủ luôn quan tâm, chú trọng phát triển nông nghiệp, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như miễn giảm thuế, hỗ trợ nghiên cứu giống cây trồng mới, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp có chi phí thấp, giá thành nguyên vật liệu rẻ so với giá bình quân trên thế giới.

• Yếu tố chủ quan

- Ban lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến rau củ quả.

- Xây dựng được mô hình từ nghiên cứu giống – phát triển vườn ươm cây giống – trồng, quản lý và phát triển vùng nguyên liệu – thu mua và chế biến nguyên liệu – phân phối và xuất khẩu sản phẩm, tạo thành chuỗi khép kín từ sản xuất cho tới phân phối, giúp Công ty chủ động được nguồn nguyên liệu và kiểm soát được giá cả đầu vào.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển cây trồng, gắn bó lâu năm với hoạt động của Công ty. Công ty cũng thực hiện chính sách đãi ngộ tốt để thu hút lực có trình độ.
- Phát triển vùng nguyên liệu tại những vùng được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế.
- Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất và bảo quản đạt tiêu chuẩn.
- Hệ thống kiểm tra chất lượng luôn được Công ty xây dựng và cải thiện liên tục nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra.

❖ Thành tựu đạt được

Dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty trong năm 2015, Nafoods đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

- Công ty đã chiếm lĩnh được phạm vi hợp tác vùng nguyên liệu ở hầu hết các tỉnh Tây Nguyên và đang mở rộng nhanh chóng ra các tỉnh Tây Bắc đầy tiềm năng. Thành tựu này xuất phát từ quá trình phát triển lâu dài trong những năm qua, thương hiệu, sản phẩm của Công ty đã giành được sự tin tưởng của bà con nông dân, đồng thời Công ty cũng đã có chính sách bán hàng thông thoáng, thích hợp giúp phát triển hoạt động kinh doanh.
- Công ty đã thu hút được sự cộng tác của nhiều nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực giống, giúp Công ty ứng dụng được nhiều thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo ra giống chanh leo đã được địa phương hóa cho năng suất tốt, sạch bệnh.
- Công ty cũng đã đạt được hầu hết các chứng chỉ khắt khe nhất trong lĩnh vực cung cấp đồ uống và sản phẩm nông sản để ngày càng khẳng định và duy trì được lòng tin đối với các bạn hàng uy tín trên thế giới.
- Diễn biến tăng giá của đồng đô la so với đồng Việt Nam thời gian vừa qua mang lại lợi thế tương đối cho Công ty trong việc xuất khẩu sản phẩm và thu ngoại tệ.

❖ Khó khăn

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong năm 2015 Công ty cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty:

- *Yếu tố khách quan*
 - Sản phẩm của Nafoods là sản phẩm nông nghiệp, chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết. Nhiều giai đoạn thời tiết không thuận lợi như mưa đá, gió bão có thể gây khó khăn cho năng suất cây trồng, từ đó ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu của Công ty. Cây trồng còn mang tính chất mùa vụ.

- Cạnh tranh không lành mạnh trong ngành trồng trọt và chế biến nông nghiệp diễn ra gay gắt cả về kinh doanh, vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực có trình độ.
- Nguồn lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng thu hẹp, lao động có tay nghề cao chưa phổ biến.
- Việt Nam chưa tự chế tạo được dây chuyền chế biến đủ tiêu chuẩn, hầu hết vẫn phải nhập khẩu khiến cho chi phí sản xuất tăng cao.
- *Yếu tố chủ quan*
- Nguồn vốn của Công ty còn nhỏ, so với nhu cầu của hoạt động kinh doanh ngày càng được mở rộng thì chưa kịp đáp ứng, điều này cũng ảnh hưởng lớn đến việc mở rộng và phát triển Công ty.

❖ **Biện pháp khắc phục khó khăn**

- Công ty thực hiện nghiên cứu và phát triển giống cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của Việt Nam nhằm chịu được những diễn biến bất thường về thời tiết. Đồng thời việc mở rộng các sản phẩm nhằm khắc phục được ảnh hưởng từ tính chất mùa vụ của các giống cây trồng.
- Triển khai hướng dẫn kỹ thuật trồng, xây dựng giàn trồng chanh leo, trồng gác kiên cố.
- Chủ động phát triển vùng nguyên liệu, nâng công suất nhà máy, tăng cường ký kết các hợp đồng đầu ra được Công ty thực hiện đồng bộ tránh lãng phí nguồn lực có sẵn, nhằm đạt được ưu thế trong môi trường kinh doanh cạnh tranh hiện nay.
- Đào tạo lao động, hỗ trợ và khuyến khích lao động nâng cao tay nghề và cam kết gắn bó làm việc với Công ty sau đào tạo.
- Công ty luôn nỗ lực nâng cao trình độ quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tích lũy lợi nhuận và tái đầu tư hợp lý nhằm mở rộng quy mô phát triển cho phù hợp với tiềm năng của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại, Công ty đã có vị thế trong lĩnh vực chế biến các sản phẩm nước ép trái cây và rau củ quả đông lạnh xuất khẩu. Hai sản phẩm đem lại doanh thu và giá trị cao nhất cho Công ty hiện nay là chanh leo và gác. Thị trường xuất khẩu chính hiện nay là các nước Châu Âu, Mỹ, Nhật

Bản, Úc và Hàn Quốc. Hiện Công ty chiếm hơn 80% sản lượng nước chanh leo cô đặc tại Việt Nam, 8% sản lượng nước chanh leo cô đặc thế giới. Nếu tính riêng dòng chanh leo tím, Nafoods Group chiếm 90% sản lượng tại thị trường Châu Âu. Đối với cây gấc là loại cây có nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam và phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của Việt Nam, đặc biệt là Miền Bắc và Miền Trung. Hiện tại, Việt Nam là vùng trồng gấc lớn nhất thế giới, Nafoods là nhà xuất khẩu gấc Puree vào thị trường Mỹ lớn nhất thế giới.

Giá trị kinh tế của gấc

- Gấc là một loại cây có khả năng thích nghi nhiều loại chất đất, thích hợp với khí hậu và thời tiết nhiệt đới của Việt Nam.
- Hàm lượng dinh dưỡng cao, đặc biệt là gấc được trồng ở miền Bắc. Trong quả gấc có chứa nhiều chất dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe như: vô hiệu hóa 75% các tác nhân gây ung thư, làm chậm sự nhân lên của tế bào ung thư; chống oxy hóa, ngăn ngừa các bệnh tim mạch, chống lão hóa tế bào, dưỡng da, tăng cường thị lực, chống suy dinh dưỡng, và thiếu vi chất cho trẻ em.
- Ngoài ra màng hạt gấc được dùng làm thuốc bổ điều trị suy dinh dưỡng cho trẻ em và trị bệnh ung thư. Hạt gấc từ xưa được ngâm với rượu dùng để xoa bóp trị đau cơ, sưng tấy rất công hiệu.
- Sản phẩm mới, nhiều cơ hội để phát triển với quy mô toàn thế giới. Quả gấc đang rất được ưa chuộng và rất quý đối với người Mỹ, Úc và một số nước phát triển trên thế giới.
- Hiện nay chủ yếu được sử dụng theo phương thức truyền thống (nấu xôi), số ít được tinh chế thành sản phẩm thực phẩm chức năng dầu gấc.
- Nafoods Group đang nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như nước uống, dầu gấc nhằm đưa sản phẩm có nguồn gốc từ gấc tiếp cận rộng rãi hơn với thị trường tiêu dùng.

Giá trị kinh tế của chanh leo

- Cây chanh leo là loại cây cho quả quanh năm.
- Cây dễ trồng trong điều kiện khí hậu mát mẻ của vùng cao, thổ nhưỡng màu mỡ.
- Chi phí đầu tư thấp, sớm cho ra quả, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Hàm lượng dinh dưỡng cao: trong chanh leo có đầy đủ nguồn vitamin A và C, sắt, kali và các thành phần dinh dưỡng khác cũng như các hoạt chất sinh học có lợi cho sức khỏe.

- Chế biến nhiều món ăn, thức uống phổ biến như nước ép, đồ ăn nhẹ, salad,...
- Chanh leo giàu chất xơ, và một khẩu phần chanh leo có thể cung cấp cho cơ thể con người gần 98% lượng chất xơ cần thiết hàng ngày. Chất xơ hòa tan có cả trong phần màng và vỏ, có tác dụng như thuốc nhuận tràng, có thể giảm các triệu chứng táo bón và thậm chí là ngăn ngừa các bệnh về tiêu hóa như ung thư đại trực tràng.
- Khi kết hợp với chức năng giãn mạch của kali, lượng sắt và đồng có trong chanh leo có thể thực sự có ảnh hưởng, giúp kích thích hoạt động trao đổi chất trong tất cả các cơ quan hệ thống, tăng năng suất và hiệu quả.
- Nafoods Group đã tạo dựng được mô hình sản xuất khép kín, từ việc cung cấp giống cho bà con nông dân, hướng dẫn kỹ thuật trồng, sau đó sẽ thu mua nguyên liệu và chế biến thành phẩm.

Thị trường tiêu dùng trong nước

Thị trường tiêu dùng trong nước hiện nay đã có một số doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực thực phẩm, đồ uống không cồn như Masan, Tân Hiệp Phát, tuy nhiên sản phẩm nước ép trái cây cô đặc 100% nguồn gốc từ thiên nhiên thì hiện tại vẫn chưa có doanh nghiệp nào tham gia và để lại dấu ấn rõ nét. Do đó Công ty rất kỳ vọng vào những sản phẩm mới sẽ tạo được thương hiệu và vị thế trên thị trường trong nước.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Công nghiệp chế biến rau quả là một ngành công nghiệp chế biến sử dụng các loại rau quả tươi mới được thu hoạch làm nguyên liệu đầu vào nhằm chế biến, biến đổi chúng thành các loại rau quả vẫn còn nguyên giá trị ban đầu nhưng có chất lượng cao hơn, an toàn vệ sinh hơn, thời gian bảo quản được lâu hơn. Hoặc biến các loại rau quả thành các sản phẩm khác nhưng vẫn giữ được những tính chất đặc trưng của nó như: nước ép trái cây, các loại bánh kẹo trái cây, các loại sản phẩm sấy khô... Các sản phẩm của ngành liên quan trực tiếp đến nhu cầu dinh dưỡng thiết yếu và sức khỏe của con người.

Ngành Công nghiệp chế biến thực phẩm rau củ quả của Việt Nam đã từng bước đáp ứng nhiều sản phẩm thiết yếu cho nền kinh tế quốc dân, phục vụ nhu cầu trong nước, thay thế nhập khẩu và tham gia xuất khẩu với sự đa dạng về mẫu mã, chủng loại. Nhiều sản phẩm đã có sức cạnh tranh cả trên thị trường trong nước và quốc tế. Trong những năm gần đây, ngành chế biến thực phẩm chiếm một tỷ lệ đáng kể sản lượng đầu ra của ngành công nghiệp nói chung và tổng sản phẩm quốc nội nói riêng. Trong đó, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng này thì ngành

chế biến rau củ quả và nước ép trái cây được coi là một trong những ngành sản xuất phát triển có hiệu quả kinh tế cao, chiếm khoảng 5% giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp.

Ngành chế biến thực phẩm nói chung và ngành sản xuất rau củ quả, nước ép trái cây nói riêng hiện nay còn rất nhiều tiềm năng phát triển khi chính sách đổi mới có nhiều hỗ trợ đáng kể, nền kinh tế phát triển nhanh, nhu cầu và mức sống của người dân được cải thiện, thị trường trong nước 90 triệu dân và du lịch Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ. Trong đó, vùng nguyên liệu và hệ thống dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn mang tính chất quyết định đối với sự phát triển và thế mạnh cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến rau củ quả.

Nhận thức được tầm quan trọng của nhu cầu tiêu dùng rau quả, đặc điểm của ngành cũng như những tiềm năng phát triển của ngành, Ban giám đốc Công ty đã xây dựng và phát triển Công ty theo mô hình chuỗi giá trị nông nghiệp, bao gồm: nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng và phát triển vùng nguyên liệu sạch, sử dụng hệ thống dây chuyền chế biến hiện đại và trực tiếp phân phối, xuất khẩu sản phẩm. Ngoài ra, các vùng nguyên liệu của Công ty tập trung tại những khu vực được ưu tiên phát triển nông nghiệp và kinh tế vùng cao, nhằm tận dụng được các chính sách ưu đãi của Chính phủ. Đối với chiến lược phát triển trong các năm tiếp theo, Công ty vẫn tiếp tục tập trung vào ngành chế biến rau củ quả, phát triển theo hướng đa dạng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý và tận dụng mô hình kinh doanh chuỗi giá trị nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của toàn hệ thống.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động

Tại thời điểm 30/08/2015, tổng số lao động của toàn bộ hệ thống Nafoods là 258 người (không bao gồm lao động thời vụ) với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 18. Cơ cấu lao động của toàn bộ hệ thống Nafoods tại thời điểm 30/08/2015

Phân loại Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
▪ Phân theo trình độ chuyên môn	:	
- Đại học, trên đại học	: 81	31,39
- Cao đẳng, Trung cấp	: 53	20,54
- Trình độ khác	: 124	48,07
▪ Phân theo hình thức lao động	:	
- Lao động gián tiếp	: 137	53,1
- Lao động trực tiếp	: 121	76,9

10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 7 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương: Công ty áp dụng chính sách lương 3P (chính sách lương tiến bộ nhất hiện nay) để tạo động lực cho người lao động,

Cụ thể:

Lương P1: Trả theo vị trí người lao động đang nắm giữ trong doanh nghiệp, bằng cấp, thâm niên công tác

Lương P2: Trả theo năng lực (đánh giá định kỳ 6 tháng – 12 tháng/1 lần)

Lương P3: Trả theo mức độ hoàn thành công việc hay trả theo hiệu quả công việc được đánh giá định kỳ tháng/ quý/ năm (Nafoods áp dụng phương pháp BSC và công cụ KPI để quản trị mục tiêu doanh nghiệp gắn với việc quản trị chỉ tiêu trọng yếu giao đến từng phòng ban và từng cá nhân)

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là 5.000.000 đồng/người/tháng, dự kiến năm 2015 đạt 5.500.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

Cổ tức năm 2014: Do hướng tới mục tiêu đầu tư phát triển các dự án, Đại hội đồng cổ đông đã ra nghị quyết không chia cổ tức năm 2014 sau khi trích lập dự phòng các quỹ. Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2015 là 10%.

12. Tình hình hoạt động tài chính :

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	05- 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm

❖ Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là 5.000.000đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Bảng 19. Số dư các quỹ

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
- Quỹ dự phòng tài chính	22.103.775	22.103.775	22.103.775
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
- Quỹ Đầu tư phát triển	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 20. Tình hình nợ vay của Công ty

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I. Vay và nợ ngắn hạn	29.780.454.000	33.356.783.375	77.628.836.973
1. Vay ngắn hạn	29.780.454.000	33.356.783.375	77.628.836.973
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Vinh	29.780.454.000	29.932.000.000	60.858.036.973
Ngân hàng TMCP Đại Chúng CN Nghệ An	-	1.682.930.700	-
Quỹ Fund (*)	-	-	16.552.800.000
WAST CO	-	-	218.000.000
Vay khác	-	1.741.852.675	-
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
II. Vay và nợ dài hạn	-	1.000.000	17.353.001.750
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Vinh	-	-	17.274.001.750
Vay khác	-	1.000.000	79.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

(*) – Hợp đồng vay số tiền: 1.000.000 USD, ngày giải ngân: 13/03/2015, ngày đáo hạn: 30/11/2015, Lãi suất: 8,5%/năm.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 21. Tình hình công nợ của Công ty

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
<u>Các khoản phải thu</u>			
Phải thu của khách hàng (*)	7.071.969.010	41.951.915.995	158.669.866.219
Trả trước cho người bán (**)	962.506.828	21.182.596.697	23.408.197.188
Các khoản phải thu khác (***)	7.386.495.281	18.201.492.582	1.565.863.127
<u>Các khoản phải trả</u>			
Phải trả cho người bán	6.956.239.397	20.774.432.468	26.296.172.487
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.280.054	1.181.679.132	6.467.802.278
Phải trả người lao động	573.019.380	925.817.082	3.686.088.346
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	4.282.945.404	476.722.112	4.485.377.709

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

(*) *Chi tiết Khoản phải thu khách hàng:*

Tên khách hàng	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
- Công ty CP Bánh kẹo ANCO	330.000.000	330.000.000	330.000.000
- Công ty TNHH Màu xanh đổi mới	1.260.000.000	1.260.000.000	1.260.000.000
- Công ty CP Tân Tân	4.176.437.050	4.176.437.050	4.176.437.050
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	62.537.900	-	-
- KH International Incoperating	735.965.496	-	-
- Yoke Food Industriesdn	360.684.939	-	-
- Công ty CP Chanh leo Nafoods (Đổi tên từ CTCP Đầu tư PT NN Napaga)	146.207.050	375.166.570	-
- Nature's First INC	136.575	138.303	-
-CHABAA BANGKOK CO.,LTD (TROPFIN)	-	1.588.432.438	1.015.383.600
- World foods and flavors	-	4.336.159.666	10.800.160.331
- FLAGFOOD	-	8.090.915.700	10.969.486.110

- Sun Tropics INC	-	823.846.450	-
- PJIMPEX	-	-	1.340.602.560
- JV SALES	-	-	2.178.000.000
- SUMOL	-	-	1.764.180.000
- Công ty CP EDX	-	-	54.560.331.262
- Brecon Food Inc	-	2.355.530.015	-
- NATURE TOUCH	-	6.616.030.031	-
- Foodya	-	642.864.019	-
- Ray lex	-	346.558.543	-
- Khách hàng cá nhân	-	-	59.569.498.000
- Các đối tượng khác	-	11.009.837.210	10.705.787.306
Cộng		7.071.969.010	41.951.915.995
			158.669.866.219

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Năm 2014:

- Công nợ của Công ty CP Bánh Kẹo An Co, Công ty TNHH Màu Xanh Đổi Mới, Công ty CP Tân Tân là các khoản công nợ phải thu khó đòi, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản này.
- Các đối tượng khác chiếm 11 tỷ đồng trong đó: phải thu từ hoạt động thanh lý dây chuyền tương ới là 9,2 tỷ đồng, từ bán hạt chanh leo và hạt gấc là 1,4 tỷ đồng, toàn bộ số phải thu này đã thu đủ trước ngày 30/06/2015.

Năm 2015:

- Khoản phải thu của khách hàng CHABAA BANGKOK, PJIMPEX, JV SALES, SUMOL do xuất hàng tháng 6/2015. Hiện tại các khách hàng này đã trả đủ 100% giá trị khoản phải thu.
- Khoản phải thu của Công ty CP EDX do bán thành phẩm hàng hóa khác trong tháng 6/2015, đã thu đủ toàn bộ trong tháng 9/2015.
- Phải thu của Flagfood + Worldfood: 21,7 tỷ đồng, công nợ dự kiến thu hồi được toàn bộ trong quý IV/2015 do đây là những khách hàng chiến lược của Công ty.
- Các khoản phải thu của các khách hàng cá nhân bao gồm những khoản sau: 7,3 tỷ phải thu của các gia đình, hộ nông dân do bán cây giống gấc, 39 tỷ do bán giống cây chanh leo, 21 tỷ bán quả chanh leo. Các khoản phải thu này đều được thu trong quý IV/2015. Tại thời điểm tháng 4 và tháng 5 năm 2015, do chanh leo chín và được thu hoạch hàng loạt trên địa bàn huyện Quế Phong, vượt năng suất dự tính ban đầu của Công ty. Các đầu mối thu mua quả tươi trong nước đã tìm đến và đàm phán thu mua lại một phần chanh leo tươi. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để tiêu thụ ngay sản phẩm tại thị trường trong nước với hiệu quả kinh tế cao, Công ty đã bán một phần quả tươi cho các đối mối thu mua. Việc này vừa giúp Công ty giảm thiểu chi phí

thuê nhân công mùa vụ sơ chế nguyên liệu, vừa giảm chi phí bảo quản quả chanh leo mà không ảnh hưởng đến các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết.

Nguyên nhân các khoản phải thu năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 tăng cao so với năm 2013 do Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, sản phẩm bán cho các hộ nông dân, cá nhân trong nước thường được trả vào cuối năm, sản phẩm xuất khẩu quay vòng thường xuyên với giá trị hợp đồng ngày một gia tăng.

(**) Chi tiết khoản trả trước cho người bán

Tên khách hàng	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Máy xây dựng Việt Nam	-	-	13.000.000
- Công ty TNHH Kinh doanh VLXD Thành Công	-	-	8.920.000
- Điện lực Quỳnh Lưu	-	-	17.132.653
- Công ty TNHH MTV Thương mại Liên Thắng	-	-	13.465.202
- Cty TNHH MTV Nông Sản Anh Đức	-	-	8.063.085.650
- DNTN Bảo Long Đức Trọng	-	-	7.456.575.555
- Cá nhân khác	-	-	4.293.597.250
- Công ty TNHH TM & DV Hiền Dũng	177.500.000	-	-
- Công ty CP Chanh leo Nafoods (Đổi tên từ CTCP ĐT và PT Nông Nghiệp NAPAGA)	-	1.727.566.500	-
- Công ty CP Chế biến TPXK Miền Tây	-	1.295.140.376	211.929.820
- Công ty TNHH Huy Linh	-	209.827.000	-
- Công ty CP Xây dựng Thành Trang	-	750.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Lực	200.000.000	-	-
- Cơ sở thu mua Nông sản Thuận Tâm	231.626.050	-	-
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh	-	16.668.000.000	-
- Công ty TNHH Bratus	-	35.172.500	509.344.612
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	-	-	1.276.401.297
- Các đối tượng khác	353.380.778	496.890.321	1.544.745.149
Cộng	962.506.828	21.182.596.697	23.408.197.188

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

(**) Chi tiết các khoản phải thu khác

Khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2013	31/12/2014	30/6/2015
- Công ty CP Thực phẩm NA	-	1.631.029.192	-
- Công ty Cổ phần tư vấn Maya – Viet	21.473.617	21.473.617	21.473.617
- Công ty Cổ phần Tân Tân	347.873.081	347.873.081	347.873.081
- Công ty TNHH Màu xanh đổi mới	400.539.000	400.539.000	400.539.000
- Công ty CP Chanh leo Nafoods (Đổi tên từ CTCP ĐT & PT NN Napaga)	5.939.052.171	14.615.925.076	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	47.985.071	-
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	700.000.000	-
- Phải thu tiền ăn của CBCNV	-	-	24.044.625
- Ông Phạm Duy Thái	-	-	95.000.000
- Các đối tượng khác	677.557.412	436.667.545	676.932.804
Cộng	7.386.495.281	18.201.492.582	1.565.863.127

Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2013, 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

❖ Công nợ của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan

Hiện nay, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và người có liên quan không có khoản nợ nào đối với Công ty.

Một số cổ đông nội bộ có các khoản tạm ứng tiền công tác phí và thực hiện các nhiệm vụ, công việc của Công ty.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	6T/2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,0	2,3	3,3
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,8	2,1	3,0
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	58,6%	33,2%	27,7%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	141,3%	49,8%	40,5 %
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	44,5	29,8	8,6
+ Vòng quay khoản phải thu	20,8	11,9	2,4
+ Vòng quay khoản phải trả	19,5	12,4	7,2
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	1,8	2,3	0,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,0%	6,4%	13,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	4,1%	24,6%	13,6%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân (%)	1,7%	14,4%	9,6%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần (%)	0,9%	6,8%	14,6%

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC kiểm toán Công ty mẹ năm 2014 và BCTC kiểm toán hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015 CTCP Nafoods Group

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Qua bảng số liệu trên có thể thấy, Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn của Công ty khá tốt qua các năm và đều lớn hơn 1. Năm 2014 cả hai hệ số thanh toán đều lần lượt bằng 2 lần. Với đặc thù của ngành sản xuất và chế biến thực phẩm rau củ quả, các công ty trong ngành thường xuyên có sự luân chuyển vốn nhanh, tránh tình trạng tồn kho lâu dài dẫn đến tổn kém trong khâu bảo quản sản phẩm. Trong 6 tháng đầu năm 2015, hệ số thanh toán tiếp tục tăng so với năm 2014, lên 3 lần. Công ty đã có sự chuẩn bị tốt về mặt tài chính cho mùa thu mua nguyên liệu chính trong năm kéo dài đến từ tháng 8 đến tháng 12..

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn thể hiện tình hình tài chính của Công ty được cải thiện qua các năm và ngày càng lành mạnh. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 58,6% trong năm 2013 và còn 33,2% trong năm 2014. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng có sự cải thiện rõ nét khi giảm từ 141,3% trong năm 2013 và còn 49,8% trong năm 2014. Quý II năm 2015, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục giảm so với năm 2014, do Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương thanh toán cho nhà cung cấp, doanh nghiệp và bà con nông dân sớm theo các thỏa thuận với nhà cung cấp để được hưởng các mức chiết khấu tốt khi nguyên liệu, bên cạnh việc Công ty quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn vay để kinh doanh, nhằm tránh rủi ro đến từ việc thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng được cải thiện tốt hơn. Vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh từ 44,5 lần năm 2013 xuống còn 8,6 lần 6 tháng đầu năm 2015. tương đối ổn định trong năm 2012 và 2013. Vòng quay các khoản phải thu của Công ty được cải thiện dần, năm 2014 thấp hơn 2013 và 6 tháng đầu năm thấp hơn 2014. Đối tác của Công ty là các đối tác nước ngoài, hầu hết đều thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Vòng quay tổng tài sản giảm do tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của Công ty lớn hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2014 cải thiện mạnh mẽ so với năm 2013. Trong năm 2013, Công ty bắt đầu phát triển theo mô hình chuỗi giá trị doanh nghiệp. Sự hiệu quả của việc tái cơ cấu hệ thống thể hiện thông qua kết quả kinh doanh năm 2014. Sang năm 2015, các sản phẩm được đẩy mạnh tiêu thụ ra các nước phát triển trên thị trường quốc tế, đi kèm với công tác quản lý điều hành hệ thống đã đi vào ổn định giúp cho kết quả kinh doanh tăng trưởng đáng kể. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần 6 tháng đầu năm bằng 13%, cao hơn gấp đôi hệ số tương ứng năm 2014.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Tên	Năm sinh	Số CMND/Passport	Chức danh
I	Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	1968	182134923	Chủ tịch
2	Bà Phan Thị Minh Châu	1972	181959166	Phó chủ tịch
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	1958	183994878	Thành viên
4	Ông Hoàng Tất Thắng	1950	012774779	Thành viên
5	Ông Lê Văn Minh	1948	010424786	Thành viên
II	Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	1968	182134923	Tổng giám đốc
2	Bà Phan Thị Minh Châu	1972	181959166	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Tiến Chinh	1958	183994878	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	1984	182456970	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phạm Duy Thái	1983	186540973	Phó Tổng giám đốc
III	Ban Kiểm soát			
1	Bà Đặng Thị Loan	1988	186691519	Trưởng Ban
2	Ông Hồ Minh Tuấn	1968	181433787	Thành viên
3	Bà Trần Thị Đào	1989	186508155	Thành viên
IV	Kế toán trưởng			
1	Bà Nguyễn Thị Trang	1987	186301831	Kế toán trưởng

13.2 Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

❖ Chủ tịch HĐQT – Ông: Nguyễn Mạnh Hùng

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 03/04/1968 ;

- Nơi sinh: Thị trấn Đức Thọ - Hà Tĩnh ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P. Hà Huy Tập – Tp Vinh – Nghệ An;
- CMTND số: 182134923 ; Nơi cấp: CA Nghệ An ;
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Gác Tân Thắng;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chăn nuôi Tân thắng;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chanh leo Nafoods (Tiền thân là Công ty CP đầu tư và phát triển nông nghiệp Napaga);
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống Nafoods;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Nghệ An;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Phúc Minh;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư LMC;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp La Giang;
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Liệu Quế Phong.

Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993→1994	Nhà máy nước giải khát Festi	Giám đốc Nhà máy
1995→ 2008	Công ty TNHH Thành Vinh	Giám đốc Công ty
2000 → nay	Công ty CPTP Nghệ An	Chủ tịch HĐQT
2009 →nay	Công ty cổ phần ChoaViet (Tiền thân TNHH Thành Vinh)	Chủ tịch HĐQT
2013 →nay	Công ty cổ phần Chanh leo Nafoods	Chủ tịch HĐQT
2014 →nay	Công ty CP Nafoods Group (Tiền thân là Công ty CP ChoaViet)	Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Công ty
2014 → nay	Công ty cổ phần đầu tư Phúc Minh	Chủ tịch HĐQT

1/ 2015→ nay	Công ty cổ phần Gấc Tân Thắng	Chủ tịch HĐQT
1/ 2015 → nay	Công ty cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng	Chủ tịch HĐQT
1/2015→ nay	Công ty cổ phần Dược Liệu Quế Phong	Chủ tịch HĐQT
3/2015 → nay	Công ty cổ phần Nông nghiệp La Giang	Chủ tịch HĐQT
6/2015 → nay	Công ty cổ phần Giống Nafoods	Chủ tịch HĐQT
6/2015 → nay	Công ty cổ phần Đầu tư LMC	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty :
 - + Sở hữu cá nhân: 7.500.000 cổ phần, 25% cổ phần;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần;
- Sở hữu của người có liên quan: 5.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Tiến Chinh	Anh trai	5.000	0.0167

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

❖ **Phó Chủ tịch HĐQT – Bà: Phan Thị Minh Châu**

- Họ và tên: Phan Thị Minh Châu ;
- Giới tính: Nữ ;
- Ngày sinh: 01/12/1972 ;
- Nơi sinh: Đức Lạc – Đức Thọ - Hà Tĩnh ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P. Quang Trung – Tp Vinh – Nghệ An;
- CMTND số: 181959166 ;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Tài chính;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT/Giám đốc điều hành Công ty CP Gác Tân Thắng
 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chanh leo Nafoods
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống Nafoods
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 ->1997	Nhà máy nước giải khát Festi	Kế toán viên
1998 -> 2008	Công ty TNHH Thành Vinh	Kế toán trưởng
2000 -> 2007	Công ty CPTP Nghệ An	Kế toán trưởng
2008 -> nay	Công ty CPTP Nghệ An	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
2009-> nay	Công ty Cổ phần ChoaViet nay là Công ty CP Nafoods Group	Giám đốc điều hành
2014 -> nay	Công ty CP Nafoods Group	Phó Tổng Giám đốc tài chính

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.440.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 4.8 % ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

❖ **Thành viên HĐQT – Ông: Nguyễn Tiến Chinh**

- Họ và tên: Nguyễn Tiến Chinh ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 05/07/1958 ;
- Nơi sinh: Thị trấn Đức Thọ - Hà Tĩnh ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khối 7, Thị trấn Đức Thọ - Hà Tĩnh ;
- CMTND số: 183994878 ; Nơi cấp: CA Hà Tĩnh ;
- Ngày cấp: 30/10/2009 ;

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó TGD Sản xuất ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: GD Điều hành Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An;
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1085 -> 1996	Nhà máy phân đạm Hà Bắc	Quản đốc phân xưởng
1996 ->1997	Nhà máy nước giải khát Festi	Quản đốc phân xưởng
1998 -> 2008	Công ty TNHH Thành Vinh	Quản đốc phân xưởng
2000 -> 2002	Công ty CPTP Nghệ An	Trưởng ban quản lý dự án Nhà máy dứa cô đặc 10 tấn NL/h
2003 -> nay	Công ty CPTP Nghệ An	Giám đốc sản xuất
2014 -> nay	Công ty CP Nafoods Group (Tiền thân là Công ty Cổ phần ChoaViet)	P. TGD sản xuất

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0.0167%
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan: 7.500.000 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Em trai	7.500.000	25%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Thành viên HĐQT – Ông: Hoàng Tất Thắng**

- Họ và tên: Hoàng Tất Thắng ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 08/08/1950 ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;

- CMND số: 012774779 ; Nơi cấp: CA Nghệ An ;
- Địa chỉ thường trú: Xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại các Công ty khác:
- Quá trình công tác :

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1994	Cảng Nghệ Tĩnh	Tổng giám đốc
1/1995 – 6/ 2003	UBND tỉnh Nghệ An	Phó chủ tịch UBND tỉnh
6/2003 – 9/2010	Cục Hàng hải Việt Nam	Phó cục trưởng
2010 - nay		Nghỉ hưu

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0% ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

❖ **Thành viên HĐQT – Ông: Lê Văn Minh**

- Họ và tên: Lê Văn Minh ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 19/07/1948 ;
- Nơi sinh: Anh Sơn, Nghệ An ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An ;
- CMTND số: 010424786 ;
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ quản lý tài nguyên nước và xây dựng;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : không ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch mạng lưới nước Việt Nam ;
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
1972 -1988	Vụ Khoa học – Kỹ thuật	Nhân viên
1989 - 1994	Vụ Hợp tác quốc tế bộ Thủy lợi	Phó vụ trưởng
1994 – 10/1994	Vụ Hợp tác quốc tế bộ Thủy lợi	Vụ trưởng
10/1994-10/1996	Ủy ban Sông Mê công Việt Nam	Tổng thư ký
1996- 2010	Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn	Vụ trưởng
2010 -2012	Mạng lưới nước Đông Nam Á	Chủ tịch mạng lưới nước ĐNA
2012- nay	Mạng lưới nước Việt Nam	Chủ tịch mạng lưới nước Việt Nam

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ 0% ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

13.3 Lý lịch Ban Tổng giám đốc

Đã được trình bày ở mục 12.2 (là thành viên HĐQT):

- ❖ *Tổng Giám Đốc - Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Chủ tịch HĐQT)*
- ❖ *Phó Tổng giám đốc- Bà Phan Thị Minh Châu (Phó chủ tịch HĐQT)*
- ❖ *Phó Tổng giám đốc - Ông Nguyễn Tiến Chinh (Thành viên HĐQT)*

Phó Tổng giám đốc – Ông: Nguyễn Trung Kiên

- Họ và tên: Nguyễn Trung Kiên ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 12/05/1984 ;
- Nơi sinh: Tp Vinh, Nghệ An;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P.Quang Tiến – Vinh Tân- TP Vinh – Nghệ An ;
- CMTND số: 182456970 Nơi cấp: Nghệ An ;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ;

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Tổng giám đốc Kinh doanh ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-> 2013	Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Trưởng phòng KD
2013-> nay	Công ty CP ChoaViet nay là Công ty CP Nafoods Group	P. TGD Kinh doanh

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0.016 % ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;

❖ **Phó Tổng giám đốc – Ông: Phạm Duy Thái**

- Họ và tên: Phạm Duy Thái ;
- Giới tính: Nam ;
- Ngày sinh: 04/08/1983 ;
- Nơi sinh: Hà Ngọc – Hà Trung – Thanh Hóa ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: K5, P. Quán Bàu – Tp Vinh – Nghệ An ;
- CMTND số: 171876312 ; Nơi cấp: Thanh Hóa ;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Nông nghiệp;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc điều hành Công ty CP Chanh leo Nafoods ;
 - Thành viên HĐQT Công ty Giống Nafoods;
 - Thành viên HĐQT Công ty Dược liệu Quế Phong.
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 -> 2008	Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Kế toán TH
2008 -> 2012	Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Thư ký Tài chính TGD
2010-> 2013	Công ty Cổ phần ChoaViet	Kế toán trưởng
2013 -> nay	Công ty CP Chanh leo Nafoods	Giám đốc điều hành
2014 -> nay	Công ty CP Nafoods Group (tiền thân là Công ty Cổ phần ChoaViet)	P.TGD Nông nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, tỷ lệ nắm giữ: 0.016 % ;
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;

13.4 Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

❖ **Trưởng Ban Kiểm soát – Bà: Đặng Thị Loan**

- Họ và tên: Đặng Thị Loan ;
- Giới tính: Nữ ;
- Ngày sinh: 05/07/1988 ;
- Nơi sinh: Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu, Nghệ An ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Diễn Hải, Diễn Châu, Nghệ An ;
- CMTND số: 186691519 ;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010-> 2014	Công ty Cổ phần SAHABAK	Kế toán tổng hợp
2014-> nay	Công ty Cổ phần Nafoods Group	Trưởng Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân : 500 cổ phần, chiếm 0.0016% ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát – Ông: Hồ Minh Tuấn**

- Họ và tên: Hồ Minh Tuấn ;
- Giới tính: Nam;
- Ngày sinh: 01/01/1968 ;
- Nơi sinh: Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu, Nghệ An ;
- CMTND số: 181433787 ;

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp xây dựng ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : không;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2002-2014	Công ty Cổ phần thực phẩm Nghệ An	Trưởng ca sản xuất
2014-> nay	Công ty Cổ phần thực phẩm Nghệ An	Trưởng phòng Kế hoạch vật tư

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân : 3.000 cổ phần, chiếm 0.01% ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát – Bà: Trần Thị Đào**

- Họ và tên: Trần Thị Đào ;
- Giới tính: Nữ ;
- Ngày sinh: 03/08/1989 ;
- Nơi sinh: Xóm 7, Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An;
- CMTND số: 186508155 ;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Nhân viên HCNS ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013-2014	Công ty TNHH BSE	Nhân viên HCNS

03/2014-Nay	Công ty CP Nafoods Group	Nhân viên HCNS
-------------	--------------------------	----------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có ;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 300 chiếm 0,001% ;
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

13.5 Lý lịch Kế toán trưởng

❖ Kế toán trưởng – Bà Nguyễn Thị Trang

- Họ và tên: Nguyễn Thị Trang ;
- Giới tính: Nữ ;
- Ngày sinh: 02/10/1987 ;
- Nơi sinh: Hưng Phúc – Hưng Nguyên – Nghệ An ;
- Quốc tịch: Việt Nam ;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xóm 4, Hưng Phúc – Hưng Nguyên – Nghệ An.
- Chứng minh thư nhân dân số: 186301831 ;
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Kế Toán trưởng ;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng;
 - Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư LMC;
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2009-11/2009	Công ty TNHH Phân phối thông minh	Nhân viên kế toán
11/2009-1/2010	Công ty CP Phần mềm Việt	Chuyên viên quản lý dự án
1/2010-3/2013	Công ty Cổ phần ChoaViet	Kế toán tổng hợp
4/2013→nay	Công ty cổ phần ChoaViet nay là Công ty CP NafoodsGroup	Kế toán trưởng
1/ 2015 → nay	Công ty cổ phần Chăn nuôi Tân Thắng	Kế toán trưởng
6/2015 → nay	Công ty cổ phần đầu tư LMC	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 5.000 Cổ phần; tỷ lệ nắm giữ 0.016 % ;

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần ;
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần ;
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không ;
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không ;
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không ;

14. Tài sản

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng 23. Danh mục tài sản của Công ty

ĐVT: Đồng

Stt	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy thổi	107.380.957	107.380.957	0
2	Máy rót định lượng	7.809.526	7.809.526	0
3	Nhà văn phòng làm việc tầng 1	220.092.415	182.447.781	37.644.634
4	Thiết bị VP kỹ thuật	6.034.000	6.034.000	0
5	Băng tải	9.000.000	9.000.000	0
6	Hệ thống chiết Soda	16.452.400	16.452.400	0
7	Máy đóng nắp	12.500.000	12.500.000	0
8	Thiết bị VP	15.227.750	15.227.750	0
9	Hệ thống lọc rượu	17.599.400	17.599.400	0
10	Nhà làm việc tầng 2	215.829.377	175.761.801	40.067.576
11	Bơm áp lực	27.500.000	27.500.000	0
12	Hệ thống máy SX festi	305.594.280	305.594.280	0
13	Máy lọc Ozon	40.909.090	40.909.090	0
14	Máy đóng lon chiết lon	8.820.000	8.820.000	0
15	Nâng cấp hệ thống Festi	9.523.810	9.523.810	0
16	Dây chuyền bánh mì tươi	12.932.000.000	3.879.600.000	9.052.400.000
17	Hệ thống xe ô tô+phụ kiện+lệ phí trước bạ	748.058.410	402.276.076	345.782.334
18	Xe ô tô bán tải triton	665.609.209	121.465.958	544.143.251
19	Hệ thống nhà xống sản xuất	567.795.378	203.957.360	363.838.018
20	Máy photocopy	26.200.000	19.650.015	6.549.985
21	Máy Dell 1	11.026.119	10.611.912	414.207

22	Máy Dell 2	11.026.118	10.600.280	425.838
23	Hệ thống đường dẫn nước	44.931.600	19.054.887	25.876.713
24	Hệ thống tọc	20.444.984	16.953.776	3.491.208
25	Công nghệ sản xuất tinh lọc	157.598.484	76.843.140	80.755.344
26	Hệ thống nhà, công BV	69.541.125	69.541.125	0
27	Nâng cấp Hệ thống nhà xưởng	391.434.643	96.911.661	294.522.982
28	2 dãy nhà cấp 4 và 1 dãy nhà 2 tầng	200.000.000	35.714.280	164.285.720
29	Nâng cấp cải tạo phòng kinh doanh	138.095.464	7.857.584	130.237.880
30	Nhà ở công nhân K1 (30m2)	88.876.021	6.388.562	82.487.459
31	Nhà ở công nhân khu 2	180.600.000	1.567.708	179.032.292
32	Nhà ở công nhân Khu 5	156.800.000	13.611.108	143.188.892
33	Nhà văn phòng	251.200.000	21.805.558	229.394.442
34	Nhà chăn nuôi K1	187.987.366	8.180.933	179.806.433
35	Nhà chăn nuôi K2	212.363.130	11.988.242	200.374.888
36	Nhà chăn nuôi K4	191.481.898	8.333.009	183.148.889
37	Nhà chăn nuôi K5.1	110.818.807	6.255.900	104.562.907
38	Nhà chăn nuôi K5.2	168.075.302	9.488.121	158.587.181
39	Nhà công nhân K4	40.340.448	2.277.283	38.063.165
40	Máy cày	190.822.511	26.571.529	164.250.982
41	Ô tô tải 37C - 063.98	394.863.636	76.779.045	318.084.591
42	Hệ thống nước tưới Gác giai đoạn 1	1.814.373.432	363.416.612	1.450.956.820
43	Hệ thống giàn Gác giai đoạn 1	2.873.568.888	575.572.074	2.297.996.814
44	Hệ thống giàn giai đoạn 2	1.400.212.344	1.505.605	1.398.706.739
45	Hệ thống nước tưới giai đoạn 2	1.127.596.194	1.212.469	1.126.383.725
46	Đập tràn Phú Thái	121.352.073	65.243	121.286.830
47	Hệ thống cây Gác giai đoạn 1	1.704.154.124	341.288.934	1.362.865.190
48	Hệ thống vườn gác giai đoạn 2	298.258.642	22.128.865	276.129.777
49	Vườn thanh long	580.592.661	21.225.967	559.366.694
Cộng		29.098.372.016	7.433.261.619	21.665.110.397

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 CTCP Nafoods Group

14.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Cho vay ngắn hạn : 5.526.911.239 đồng, trong đó:

- Bà Nguyễn Thị Minh: 2.944.980.588 đồng
- Ông Phan Văn Hội: 2.581.930.651 đồng

Lưu ý: Theo BCTC kiểm toán năm 2014 CTCP Nafoods Group, vào thời điểm 31/12/2014 Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn cho vay cá nhân ông Nguyễn Mạnh Hùng 4.090.434.500 đồng, tuy nhiên ông Nguyễn Mạnh Hùng đã tắt toán khoản vay ngày 18/6/2015, trước khi Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 30/7/2015.

Khoản vay của bà Nguyễn Thị Minh và Phan Văn Hội là hai người bên ngoài Công ty không phải là cổ đông của Công ty. Căn cứ hợp đồng vay vốn số 37/2014/HĐVV, Công ty cho ông Phan Văn Hội vay số tiền 2.206.736.889 VNĐ thông qua hình thức chuyển khoản, lãi suất áp dụng 12%/năm. Căn cứ hợp đồng số 36/2014/HĐVV, Công ty cho bà Nguyễn Thị Minh vay số tiền 2,3 tỷ đồng, lãi suất 12%/năm.

Hợp tác đầu tư: 138.534.031.508 đồng, trong đó:

- Công ty CP Thực Phẩm Nghệ An (1): 21.939.107.553 đồng
- Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng (2): 50.126.388.889 đồng
- Công ty CP Giống NAFOODS (3): 36.714.510.066 đồng
- Công ty CP Đầu tư Phúc Minh (4): 29.754.025.000 đồng

(1) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 156/HTĐT/NFG - TP ngày 29/06/2015 giữa Công ty CP Thực phẩm Nghệ An và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 17.400.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%. Số tiền này được CTCP Thực phẩm Nghệ An chi trả các khoản nợ đến hạn của các nhà cung cấp nguyên liệu, đầu tư máy móc và nâng cấp dây chuyền sản xuất.

(2) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 27/HTĐT/NFG - CN ngày 10/06/2015 giữa Công ty CP Chăn nuôi Tân Thắng và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 50.000.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%. Số tiền này dùng để thanh toán chi phí nghiên cứu và thiết kế quy hoạch và các chi phí tiền dự án (chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cải tạo đất,..) của dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc.

(3) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 153/HTĐT/NFG - GN ngày 17/06/2015 giữa Công ty CP Giống NAFOODS và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 17.501.397.964 đồng; lãi suất: 4,55%.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 121/HTĐT/NFG - GN ngày 16/06/2015 giữa Công ty CP Giống NAFOODS và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 19.150.470.639 đồng; lãi suất: 4,55%.

Số tiền này dùng để chi trả chi phí thiết kế, quy hoạch, đầu tư hệ thống vườn ươm đạt tiêu

chuẩn của dự án mở rộng vườn ươm.

(4) - Hợp đồng hợp tác đầu tư số 144/HTĐT/NFG - PM ngày 14/03/2015 giữa Công ty CP Đầu tư Phúc Minh và Công ty CP NAFOODS GROUP số tiền: 50.000.000.000 đồng; lãi suất: 4,55%. Số tiền này dùng để mua sắm trang thiết bị hỗ trợ sản xuất, đầu tư phần mềm và kinh doanh các hoạt động khác phụ trợ cho hoạt động của chuỗi các công ty trong hệ thống.

Các hợp đồng hợp tác đầu tư với các Công ty con, công ty liên kết trong chuỗi sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm để thực hiện 3 dự án mà Công ty đang triển khai. Sau khi các dự án được hoàn thành và thực hiện quyết toán, Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi các khoản hợp tác đầu tư này thành vốn góp theo đúng tỷ lệ mà Công ty dự kiến tham gia.

14.3. Tài sản là Quyền sử dụng đất

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu	Ghi chú
1	Phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	4.492,5	Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM621539 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 18/06/2013 cho Công ty cổ phần CHOAVIET (chú thích: nay đổi tên thành CTCP Nafoods Group)	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/08/2047
2	Phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	1.895,1	Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR298632 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 23/10/2013 cho Công ty cổ phần CHOAVIET (chú thích: nay đổi tên thành CTCP Nafoods Group)	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn sử dụng đất đến ngày 30/06/2033
3	Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	1.110.405,4	Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT344882 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/7/2014 cho Công ty cổ phần CHOAVIET (chú thích: nay đổi tên thành CTCP Nafoods Group)	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/7/2026

STT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Tình trạng pháp lý	Hình thức sở hữu	Ghi chú
4	Xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	360.197,4	Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT413829 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/7/2014 cho Công ty cổ phần CHOVIET (chủ thích: nay đổi tên thành CTCP Nafoods Group)	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Thời hạn sử dụng đất đến ngày 28/7/2026

Nguồn: CTCP Nafoods Group

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo:

15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 và 2016

Bảng 24. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015- 2016

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2014	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2015
Doanh thu thuần (đồng)	530.000.000.000	155,95	670.000.000.000	26,42
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	47.039.000.000	184,31	67.000.000.000	42,44
Vốn chủ sở hữu (đồng)	400.506.018.451	342,35	437.000.000.000	9,11
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	8,9 %	118,24	10%	12,61
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,7 %	57,18	15,3%	30,3
Cổ tức (%)	10%	-	10%	100

Nguồn: CTCP Nafoods Group

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2015 thông qua. Kế hoạch năm 2016 được xây dựng dựa trên các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch.

15.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Theo báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt 244 tỷ đồng (tương ứng với 46% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt 32,2 tỷ đồng (hoàn thành 69%) kế hoạch. Căn cứ vào tính chất mùa vụ, gấc thu hoạch từ tháng 9 đến tháng 12, chanh leo thu hoạch vào 6 tháng cuối năm và cây giống cũng được tiêu thụ mạnh vào cuối năm, Công ty tự kiến doanh thu 6 tháng cuối năm sẽ tăng gấp 1,5 lần 6 tháng đầu năm. Cụ thể, doanh thu dự báo của sản phẩm chanh leo khoảng 120 tỷ đồng, doanh thu sản phẩm gấc khoảng 14 tỷ đồng, doanh thu cây giống khoảng 39 tỷ đồng, doanh thu các sản phẩm khác bằng doanh thu 6 tháng đầu năm. Với kế hoạch 6 tháng cuối năm như trên, doanh thu thuần 6 tháng cuối năm đạt khoảng 300 tỷ đồng, nâng doanh thu thuần cả năm lên khoảng 544 tỷ đồng. Với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu khoảng 13% như 6 tháng đầu năm thì lợi nhuận cả năm đạt khoảng 70 tỷ đồng. Như vậy, kế hoạch doanh thu 530 tỷ đồng và lợi nhuận 47 tỷ đồng mà Công ty đặt ra là hoàn toàn có thể đạt được.

Năm 2016, Công ty đưa 3 dự án: dự án mở rộng vườn ươm giống, dự án mở rộng diện tích trồng chanh leo và dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc đi vào hoạt động. Đối với dự án mở rộng vườn ươm và mở rộng diện tích trồng cây chanh leo do 2 Công ty con thực hiện nên Công ty thực hiện hợp nhất doanh thu, đối với dự án chăn nuôi bò thịt nhập khẩu từ Úc do Công ty liên kết thực hiện nên hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	2015	2016	Tăng trưởng so với 2015
Doanh thu của Công ty (chưa tính dự án)	530,2	630,5	18,9%
Doanh thu từ dự án vườn ươm	-	26,4	-
Doanh thu từ dự án chanh leo	-	13,9	-
Tổng doanh thu	530,2	670,8	26,5%
Giá vốn hàng bán	432,2	537,9	24,5%
Lợi nhuận gộp	98,0	132,9	35,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	61,7	75,7	22,6%
Lãi, lỗ trong công ty liên kết	-	6,4	-
Lợi nhuận trước thuế	61,4	81,8	33,1%
Lợi nhuận sau thuế	47,3	67,1	42,7%

Nguồn: Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất CTCP Nafoods Group

Dù tổng doanh thu chỉ tăng 27% nhưng các dự án Công ty đang triển khai mang lại tỷ suất lợi nhuận cao, lợi nhuận của Công ty còn đến từ các Công ty liên kết. Với lợi nhuận sau thuế đạt 67,1 tỷ đồng, kế hoạch cổ tức 10% của Công ty là khả thi. Như vậy, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016 của Công ty sau khi tính đến hiệu quả của dự án là có thể đạt được.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nafoods Group.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

- 1. Loại cổ phiếu:**
Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:**
10.000 đồng
- 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết :**
30.000.000 cổ phiếu
- 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định:**
8.963.800 cổ phiếu.

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và quy chế niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của Công ty, cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của Công ty cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu mà các thành viên này nắm giữ là 8.963.800 cổ phần trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số lượng cổ phiếu trên trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Bảng 25. Danh sách hạn chế chuyển nhượng 6 tháng và 1 năm kể từ thời điểm niêm yết

STT	Họ và tên	Họ tên người đại diện	Số lượng	SL CK cam kết nắm giữ trong 6 tháng	SLCK cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Hùng		7.500.000	7.500.000	3.750.000	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc HĐQT và ban Tổng Giám đốc
2	Phan Thị Minh Châu		1.440.000	1.440.000	720.000	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc HĐQT và ban Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Tiến Chinh		5.000	5.000	2.500	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc HĐQT và ban Tổng Giám đốc
4	Phạm Duy Thái		5.000	5.000	2.500	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc ban Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Trung Kiên		5.000	5.000	2.500	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc ban Tổng Giám đốc
6	Đặng Thị Loan		500	500	250	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc Ban kiểm soát
7	Hồ Minh Tuấn		3.000	3.000	1.500	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc Ban kiểm soát
8	Trần Thị Đào		300	300	150	Bị hạn chế chuyển nhượng do thuộc Ban kiểm soát
9	Nguyễn Thị Trang		5.000	5.000	2.500	Bị hạn chế chuyển nhượng do là Kế toán trưởng
	TỔNG CỘNG		8.963.800	8.963.800	4.481.900	

5. **Giá niêm yết dự kiến :**
23.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp thị trường, cụ thể là phương pháp so sánh hệ số P/E và hệ số EV/EBITDA.

Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu của cổ đông của công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 17/9/2015, thu nhập mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo kiểm toán hợp nhất của công ty tương ứng tại thời điểm 31/12/2014, có điều chỉnh trong trường hợp công ty đó có phát hành thêm cổ phiếu trong giai đoạn 31/12/2014 đến 16/9/2015.

Chỉ số EBITDA là thu nhập trước thuế, trả lãi và khấu hao (earnings before interest, taxes, depreciation and amortization), là một chỉ tiêu đánh giá tỷ suất sinh lợi của doanh nghiệp, bằng thu nhập trừ các chi phí, nhưng chưa trừ tiền trả lãi, thuế và khấu hao. EV là giá trị thị trường của doanh nghiệp sau khi trừ đi nợ ròng. Chúng tôi tính toán giá trị thị trường nhóm so sánh bằng cách lấy giá cổ phiếu nhân với số lượng cổ phiếu lưu hành. Giá cổ phiếu được lấy theo thị giá ngày 16/9/2015, EBITDA được tính toán dựa vào số liệu báo cáo kiểm toán hợp nhất của công ty tương ứng tại thời điểm 31/12/2014, có điều chỉnh trong trường hợp công ty đó có phát hành thêm cổ phiếu trong giai đoạn 31/12/2014 đến 16/9/2015.

Chỉ số P/E và EV/EBITDA dùng để tính giá trị cổ phiếu Công ty sẽ dựa trên P/E và EV/EBITDA bình quân có trọng số của nhóm so sánh và kế hoạch kinh doanh 2015 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 của Công ty thông qua. Công ty đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015, các biện pháp này đã thể hiện thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 trên BCTC kiểm toán.

Nhóm so sánh bao gồm các doanh nghiệp cùng ngành được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cụ thể gồm:

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam (HOSE: SSC): Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương (HOSE: NSC): Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng
- Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP): Nuôi trồng, chế biến thực phẩm
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (HOSE: FMC): Nuôi trồng, chế biến thực phẩm

Bảng 26. Bảng tính hệ số P/E bình quân có trọng số

STT	Mã	Giá đóng cửa ngày 16/9/2015	Số lượng cổ phiếu lưu hành	Lợi nhuận sau thuế năm 2014	Thu nhập trên 1 cổ phiếu bình quân - EPS	Chỉ số P/E	Tỷ trọng theo mức vốn hóa thị trường	P/E bình quân theo tỷ trọng
1	SSC	48.600	14.930.955	86.540.951.478	5.796	8,38	25,9%	2,2
2	NSC	100.000	15.044.757	124.028.429.501	8.244	12,13	53,7%	6,5
3	CAP	29.500	3.400.090	17.210.579.121	5.062	5,83	3,6%	0,2
4	FMC	23.600	19.999.999	62.790.237.977	3.140	7,52	16,8%	1,3
Chỉ số P/E bình quân								10,2

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2015 là 47.039.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 10.400.000 cổ phiếu, tại thời điểm niêm yết là 30.000.000 cổ phiếu, số lượng cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2015 là 20.200.000 cổ phiếu. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bình quân cả năm là 2.328 đồng/cổ phần.

Giá trị 1 cổ phiếu của Công ty = Hệ số P/E bình quân * EPS (NAF) = 23.746 (đồng)

Kết quả xác định giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh hệ số P/E làm tròn là **23.700 đồng/cổ phiếu**.

Bảng 27. Bảng tính hệ số EV/EBITDA bình quân có trọng số

	SSC	NSC	CAP	FMC
EBITDA	97.153.777.416	130.329.604.015	28.471.696.879	105.051.741.692
Giá trị thị trường của DN ngày 16/9/2015 (VND)	725.644.413.000	1.504.475.700.000	100.302.655.000	471.999.976.400
Nợ ròng	-9.103.688.456	-73.599.212.818	-9.827.528.827	422.949.082.609
EV	716.540.724.544	1.430.876.487.182	90.475.126.173	894.949.059.009
EV/EBITDA	7,4	11	3,2	8,5
Tỷ trọng theo vốn hóa thị trường	25,9%	53,7%	3,6%	16,8%
EV.EBITDA theo tỷ trọng	1,9	5,9	0,1	1,4
EV/EBITDA bình quân	9,3			

Công thức tính:

$EBITDA = \text{Lợi nhuận gộp} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} + \text{khấu hao}$

$\text{Giá trị thị trường của doanh nghiệp} = \text{Thị giá cổ phiếu} * \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành}$

$\text{Nợ ròng} = \text{Tiền và các khoản tương đương tiền} - \text{Nợ ngắn hạn} - \text{Nợ dài hạn}$

$EV = \text{Giá trị thị trường của doanh nghiệp} + \text{Nợ ròng}$

Căn cứ vào dự báo kết quả kinh doanh năm 2015 của Nafoods Group, giá cổ phiếu được tính như sau:

NAF	
Lợi nhuận gộp	97.982.993.432
Chi phí bán hàng & chi phí QLDN	38.831.969.036
Khấu hao	4.177.240.994
EBITDA	63.328.265.390
EV/EBITDA bình quân	9,3
Nợ ròng	-122.547.663.507
Giá trị doanh nghiệp	466.405.204.623
Số lượng cổ phần lưu hành	20.200.000
Giá trị 1 cổ phiếu	23.000

Dựa trên kết quả định giá của 2 phương pháp, Công ty lựa chọn giá niêm yết dự kiến là **23.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo Điều lệ của Công ty thì nhà đầu tư nước ngoài (không phải là người có liên quan với thành viên HĐQT, ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) không bị bất kì hạn chế nào đối với việc sở hữu cổ phiếu của Công ty và vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài được tự do chuyển nhượng cổ phần Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, quy định “*Công ty đại chúng không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP khi muốn hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài thực tế thì phải quy định rõ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Điều lệ công ty*”.

Hiện nay tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa chưa được quy định tại điều lệ của Công ty và tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với CTCP Nafoods Group

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015. Kể từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với CTCP Chanh leo Nafoods (Công ty con mà Nafoods Group sở hữu 65%)

Căn cứ theo Điều 19 và Điều 20 Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, CTCP Chanh leo Nafoods thuộc đối tượng được miễn giảm thuế như sau:

- Đối với hoạt động đầu tư cho ra sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cụ thể là sản phẩm giống chanh leo và sản phẩm quả chanh leo tự trồng được áp dụng thuế ưu đãi: miễn thuế 4 năm đầu kể từ năm 2014, giảm 50% số thuế phải nộp 9 năm tiếp theo (tương đương với thuế suất 5%), áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm tiếp theo.
- Hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh khác nộp thuế TNDN theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với CTCP Gấc Tân Thắng (Công ty con mà Nafoods Group sở hữu 65%)

Căn cứ theo Điều 15, Chương 4 Nghị định 218/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, CTCP Gấc Tân Thắng được áp dụng thuế suất như sau:

- Đối với hoạt động đầu tư cho ra sản phẩm có doanh thu và lợi nhuận cụ thể là sản phẩm cây giống: 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014.
- Hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh khác nộp thuế TNDN theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Các loại thuế khác tùy thuộc vào các quy định cụ thể của Chính Phủ về thuế trong từng thời điểm nhất định.

8.2 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách 1: áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

$$\text{Thuế thu nhập phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm (a) phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, (b) phí lưu ký chứng khoán, (c) phí ủy thác chứng khoán và (d) các chi phí khác.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước. Khi chọn cách này, đối tượng nộp thuế sẽ có thể không sửa cách tính thuế cho đến năm sau.

Cách 2: áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

Các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được tính bằng 0,1% giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thu nhập từ lợi tức cổ phần

Cũng theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất là 5% tổng số lợi tức cổ phần nhận được.

Ngoài ra, thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần và lợi tức cổ phần còn được quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về các chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

8.3 Nhà đầu tư là tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Các tổ chức trong nước và các tổ chức nước ngoài đáp ứng một số điều kiện, được quy định tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam ngày 31/12/2008 của Bộ

Tài Chính, phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc chuyển nhượng cổ phiếu theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 11/12/2008 của Chính Phủ và Thông tư số 130/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124 ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính. Mức thuế suất trong trường hợp này là 25% thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập phải nộp = thu nhập tính thuế x 25%, trong đó thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm (a) chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; (b) các khoản phí và lệ phí phải nộp khi làm thủ tục chuyển nhượng; (c) các chi phí giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng chuyển nhượng; và (d) các chi phí khác có chứng từ chứng minh.

Tổ chức nước ngoài không đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư 134 nêu trên phải chịu một khoản thuế khi chuyển nhượng cổ phiếu là 0,1% giá chuyển nhượng cổ phiếu từng lần.

Thu nhập từ lợi tức cổ phần

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc Hội thì thu nhập từ lợi tức cổ phần được chia sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập được miễn thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Trụ sở chính:

Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website: www.vcsc.com.vn

Sàn giao dịch:

Tòa nhà Vinatex – Tài nguyên, lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 3914 3209

236 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax : (84-8) 38216186

Chi nhánh Hà Nội:

Lầu 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax : (84-4) 6278 2688

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Địa chỉ: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN, Phường Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4500 668 Fax: (84-4) 4500 669

Website: <http://kiemtoanthanglongtdk.com/vn/>

VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết trên HOSE
4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2013
5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2014
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015
7. Các tài liệu liên quan khác

Nghệ An, ngày tháng 09 năm 2015

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NAFOODS GROUP

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trang

Trưởng Ban kiểm soát

Đặng Thị Loan

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Quang Bảo